

## Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

\*\*\*

### Chữ Hán

Trong một buổi nói chuyện với bằng hữu, Mai Thảo cho hay ông rất tiếc không biết chữ Hán. Vì theo ông: Viết văn không biết chữ Hán như ngồi ghế không có...cái tựa lưng.

### Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Bi: bia

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### Ca dao cổ phong (2)

Cổ phong là thể thơ lâu đời ở Trung Hoa. Khi mượn chữ viết của họ, ta tìm hiểu văn hóa của họ. Thể thơ trong Kinh Thi rất giản dị, nó chỉ là những câu dài bằng nhau được đặt kế tiếp nhau, không đòi hỏi phải có vần. Nhà nho ta dựa theo thể làm thơ chữ Hán, rồi sau đó làm thơ tiếng Việt, sau đây để có những bài ca dao giản dị, kế tiếp là sự xuất hiện của những bài *đồng dao* và *hát ru em*. Như dưới đây:

*Con vôi con vôi*

*Cái vôi đi trước*

*Hai chân trước đi trước*

*Hai chân sau đi sau*

*Còn cái đuôi đi sau rớt*

*Tôi xin kể nốt cái chuyện con vôi*

*Con vôi con vôi (...)*

Ta có cả thảy 118 bài ca dao cổ phong, trong đó có:

Ca dao : 76 bài. Đồng dao và hát ru em : 42 bài

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

### 7 Ca dao lơ mơ lố mố

(...trích lục lại)

Ta về ta tắm ao ta

Dù trong dù đục vẫn là...cái ao

## Khoa cử (5)

Giới nho gia thời ấy nhao nhao đòi cải tổ khoa cử gồm Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ, Trần Quý Cáp, Trần Bích San, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu...

Đặc biệt nhất là Phan Chu Trinh, xuất thân nho học, đỗ tiến sĩ, mà lên án Hán học rất nặng nề: “Bất phế Hán tự, bất túc dĩ cứu Nam quốc”, nghĩa “không bỏ tiếng Hán, không cứu được nước Nam”.

Huỳnh Thúc Kháng tuy kết tội khoa cử, nhưng công nhận phần lớn lỗi ở người học đạo không đến nơi: “Lối học Tống Nho chính là chỗ hư, chỗ hờ của người Tàu mà mình bắt chước”.

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – Lối xưa xe ngựa...)

## Lạc

Lạc : chuông nhỏ buộc cổ ngựa

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Đặt lẽ quê thói với phong tục cổ truyền

### Cái trâm 2

Chàng rẽ qua mấy ngày đêm lo lắng, chạy ngược chạy xuôi, bận rộn, vất vả, đêm tân hôn là đêm xao xuyến, rạo rực nhất, lại thêm mấy chén rượu ngà ngà say, đến một thời điểm cảm xúc quá đà, nếu người có thể chất và tâm thần suy tổn nhiều thì lúc xuất tinh, thần kinh từ trạng thái hưng phấn quá độ chuyển thành ức chế quá độ, dễ bị phạm phòng, nếu người vợ không biết xử lý kịp thời có thể người chồng chết trên bụng vợ. Hầu như không có trường hợp người phụ nữ bị phạm phòng.

Trong lúc giao hợp, cửa buồng đóng kín, thân thể loã lồ, lại thêm tâm lý e thẹn xấu hổ, sợ hãi, nếu người vợ thả người chồng ra, để dương vật thoát ra ngoài, mất sự điều hoà khí âm khí dương thì khó lòng cứu chữa.

Lúc đó, sẵn có cái trâm cài trên đầu hoặc mấy chiếc kim đính ở vành khăn, người đàn bà một tay vẫn ôm riết lấy phía dưới lưng chồng một tay lấy chiếc trâm hoặc kim chích vào phía dưới hố xương chậu, phía trên hậu môn, kích thích đến lúc nào người chồng tỉnh lại. Người con trai nào có lông ở đít thì giật lông. Nếu chưa tỉnh thì tiếp tục châm kim, lấy mùi xoa trắng hoặc lấy giấy bản chấm thử, hễ thấy có máu chảy là chữa được. Trong phòng đôi tân hôn nên để ngọn đèn con nhằm tạo thêm khoái cảm, mặt khác cũng vì mục đích đó nữa, nhưng vẫn chú ý phải ôm riết chồng trên bụng. Đi sâu vào lĩnh vực y dược, song có phương thuốc được lưu truyền trong dân gian:

Cứt chuột và lá hẹ già nhỏ, vợ ngậm rồi trúm vào miệng chồng, vì lúc đó người chồng đang nằm sấp rất khó đồ thuốc.

## Tục ngữ, ca dao

*Tục ngữ* là những câu nói gọn ghẽ và có ý nghĩa lưu hành tự đời xưa, rồi do cửa miệng người đời truyền đi.

*Ngạn ngữ* chữ ngạn nghĩa là *lời nói của người xưa truyền lại*. *Phương ngôn* là tục ngữ chỉ thông dụng trong một vùng.

*Thành ngữ* là những lời nói do nhiều tiếng ghép lại đã lập thành sẵn, ta có thể mượn để diễn đạt một ý tưởng của ta.

Sự khác nhau của tục ngữ và thành ngữ là ở chỗ này:

Một câu tục ngữ tự nó phải có một ý nghĩa đầy đủ, còn như thành ngữ chỉ là những lời nói có sẵn để ta tiện dùng mà diễn một ý gì hoặc tả một trạng thái gì cho có màu mè.  
*Ca dao* là những bài hát ngắn lưu hành trong dân gian, thường tả tính tình phong tục của người bình dân. Bởi thế ca dao cũng gọi là *phong dao*.

( Dương Quảng Hàm - Việt Nam văn học sử yếu)

## 8 Thiên ngôn lơ mơ lố mỗ



Lúc bé, tưởng yêu là tất cả, là mọi thứ, lớn rồi mới biết sau yêu còn có chia tay.

### Chữ Hán trong ca dao (1)

Các hàn nho tránh từ chương, đề tài liên quan đến đời sống thực tại với đời sống bình dị của dân làng. Thế nhưng họ cũng không quên nghệ thuật làm thơ, chơi chữ của người Hán qua Kinh Thi. Như chiết tự như dưới đây với hỏi và đáp:

*Hỏi chàng đọc sách kinh thi*  
*Hai ngang hai phẩy chữ chi hỏi chàng?*

Đáp:

*Hai ngang hai phẩy chữ thiên*  
*Em cho chấm chút cho liền chữ phu*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

## Chiều hôm nhớ nhà

Thơ bà Huyện Thanh Quan:

Chiều trời bằng lặng bóng hoàng hôn,  
Tiếng *ốc* xa đưa vắng trống đồn.  
Gác mái ngư ông về *viễn phố*,  
Gõ sừng mục tử lại *cô thôn*.  
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,  
*Dặm liễu* sương sa khách bước dồn.  
*Kẻ chốn Chương Đài* người *lữ thứ*,  
Lấy ai mà kể nỗi *hàn ôn*.

\*\*\*

*Ốc*: tù và làm bằng vỏ ốc lớn.  
*Viễn phố*: bến xa.  
*Cô thôn*: xóm vắng.  
*Ngàn mai*: rừng mai.  
*Dặm liễu*: dặm đường có trồng liễu, ý nói đường xa.  
*Kẻ chốn Chương Đài*: người vợ đang ở nhà.  
*Lữ thứ*: nhà trọ; người *lữ thứ*: người đang ở xa quê.  
*Hàn ôn*: lạnh ảm; nỗi *hàn ôn*: chuyện tâm tình.

## 42 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

*Việt Tide*: Có phải là theo tiếng gọi của đảng cộng sản Việt Nam?

Dương Thu Hương: (cười khẩy) Đó là cái điều làm lẫn lộn nhất của các nhà báo nước ngoài cũng như nước trong (cười). Tại vì những người ấy có chịu lắng nghe đâu. Các ông ấy toàn nghĩ theo kiểu các ông ấy thôi. Cứ hàm hồ chụp lên đầu người khác suy nghĩ của mình. Tôi chả coi đảng cộng sản Việt Nam là cái gì cả. Đối với một gia đình như gia đình tôi, bố tôi từng

là đại đội trưởng Đội Bá Vụ, phụ trách vấn đề liên lạc vô tuyến và làm trực tiếp dưới quyền ông Võ Nguyên Giáp, nhưng bố tôi không bao giờ được vào đảng vì bà của tôi là địa chủ. Bố tôi chịu nhiều bất công, vì ông cống hiến rất nhiều mà chẳng được gì cả. Khi tôi lớn lên thì tôi không được thi vào đại học bởi vì lý lịch của bố tôi và gia đình tôi không thuộc thành phần cốt cán. Tôi vào trường vì lúc đó họ tuyển năng khiếu diễn kịch, hát múa; và tôi vào được vì do cơ may tôi có một người họ hàng làm thầy giáo của trường.

Tôi còn nhớ lúc xảy ra chiến dịch Cải cách Ruộng đất, ngay trước cửa nhà tôi là một người bị chết treo và lúc 8 tuổi, tôi đã phải đi theo các đoàn học sinh để chứng kiến các cuộc đấu tố địa chủ. Sau lưng nhà tôi, ngay đường xe hỏa, một người khác bị vu là địa chủ nên tự tự bằng cách đặt cổ vào đường ray cho xe lửa cán chết. Thật khủng khiếp. Khi 8 tuổi, buổi sáng khi đi tưới rau, tôi thấy cảnh những người chết như thế và điều đó làm cho tôi vô cùng khủng khiếp. Cho nên tôi nhắc lại, năm 68 tôi vào tiền tuyến là vì tôi tuân thủ truyền thống cứu nước của dân tộc Việt Nam chứ không vì đảng cộng sản.

(Tôi khóc ngày 30 tháng Tư 75 ...- Việt Tide phỏng vấn)

## Sự phát triển của tiếng Việt (V)

Sấm Truyền Ca (1670)

Là một trong bốn linh mục Dòng Trong đầu tiên được thụ phong tại Kẻ Chàm (Quảng Ngãi) năm 1676, Lữ Y Đoan đã Việt hóa tên người tên địa dư của nguyên tác cũng như dịch rất văn hóa tựa Kinh Thánh Cựu Ước là Sấm Truyền Ca. Đoạn diễn ca truyện Tháp Babel kể chuyện con cháu ông Nô Ê sau trận hồng thủy ngạo nghịch rủ nhau xây tháp cao chạm trời. Chúa đã trừng phạt bằng cách làm cho họ ngôn ngữ bất đồng không hiểu được nhau và hết đoàn kết với nhau; cuối cùng họ phải bỏ dở và phân tán đi khắp mặt đất thành nhiều chủng tộc khác nhau.

Trời rằng:

*"Hiệp nhất vi cường, đại công..."*

*Phải cho ngôn ngữ bất đồng*

*Mỗi chi một ngã là xong ý đồ !*

*Thế là nứt hũu cứu vớ*

*Thế nhân bỏ cuộc, trở cờ chống nhau*

*Hỗn Lâu (Ba Bên) danh gọi về sau*

*Kể từ việc ấy, ngũ châu người tràn ..."*

Tóm lại, Sấm Truyền Ca là một tác phẩm thuộc di sản văn chương cổ điển của dân tộc hiếm hoi còn sót lại sau bao chiến tranh, khủng hoảng. Sấm Truyền Ca là dấu tích sáng tạo đồng thời là dấu tích của tiếng nói và viết của người xưa. Lâu nay vì nhiều lý do đã bị bỏ quên, ngay bởi người Công giáo (...)

(Nguyễn Vy Khanh - Tiếng Việt một số tác phẩm mới phát hiện)

## 9 TTKH lơ mơ lổ mỗ

Nếu biết rằng em đã lấy chồng

Anh về bắt vịt nhỏ sạch lông

Tiết canh làm đại vài ba đĩa

Mượn rượu cho nguôi vết thương lòng

## Chữ Việt gốc Tàu

Chữ Việt gốc Tàu là một đặc thù của văn hóa Đồng Nai – Cửu Long, là những chữ, mà ta dùng thẳng từ của người Tàu và dùng âm của mẫu tự quốc ngữ viết lại.

Như:

*Thối* là bàn tiệc. Người Bắc hay dùng từ “thời”. Người Nam thường dùng chữ bàn.

*Phổ ký* là người hầu bàn. Tiếng Hán Việt là “*hỏa ký*”, liên quan đến bếp núc.

*Phản* là cơm. Hán Việt là “*phạn*” để có phạn điểm. Từ phản qua phạn tới *phay* là những miếng thịt thái mỏng. Như...gà xé phay.

*Hộp* là...cái hộp đựng đồ ăn dư mang về. Nguyên chữ là *lượng cơ hộp*, là hộp đựng đồ ăn.

(Lê Ngọc Trụ – Tầm nguyên tự điển Việt Nam)

### Chữ nghĩa làng...nhậu

Trăm năm sông núi vẫn còn

Nghìn năm bia rượu vẫn còn như xưa

### Rượu ty (1)

Năm 1858, khi những người Pháp đặt chân đến Việt Nam, vẫn chưa có sản xuất rượu ở quy mô công nghiệp. Chính phủ bảo hộ khuyến khích người Việt nấu rượu, uống rượu để thu thuế. Kể từ khi sản xuất rượu công nghiệp ra đời, chính quyền bảo hộ ra sắc lệnh cấm dân tự nấu rượu, ngừng cấp giấy phép nấu rượu cho gia đình đã từng kinh doanh bằng nghề nấu rượu, chỉ duy trì một số làng nghề tập trung để dễ thu thuế. Việc cấm dân nấu rượu ngày càng được kiểm soát chặt chẽ đi đôi với đẩy mạnh sản xuất rượu công nghiệp, một số tổ chức thanh tra riêng do người Pháp trực tiếp chỉ huy đã được thành lập chuyên đi bắt phạt những gia đình nấu rượu không phép, những đối tượng mà dân Việt thường gọi là “Tây đoan”.

### Bổ già

Theo họ đạo, *bổ già* là người trọng tuổi trông coi việc đạo ở một nhà thờ. Xưa, xưa lắm, *bổ già* chỉ quan thái giám, thường được gọi là...*hoạn quan*.

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

### 3. bị cáo 被告

Bị cáo là người bị tố cáo và bị toà án đem ra xét xử. Soạn giả đã hiểu đúng nghĩa của từ này, nhưng thật đáng ngạc nhiên khi thấy ông giải thích rằng, cáo nghĩa là báo cho biết! Nếu đúng như vậy thì từ bị cáo chẳng liên quan gì với việc báo cho biết. Đành rằng, chữ cáo 告 cũng có nghĩa là báo cho biết, nhưng nó còn có một số nghĩa khác nữa, mà cụ thể ở đây là *bộộc tội*, vạch tội.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Chữ quốc ngữ

Đến thế kỷ 17, với mục đích truyền bá đạo Thiên Chúa giáo ở Việt Nam, các giáo sĩ người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha được sự giúp đỡ của các giáo sĩ người Việt đã La tinh hóa chữ viết để truyền giáo, đồng thời tách người Việt ra khỏi khuôn viên của chữ vuông và văn hóa Khổng giáo.

Quá trình xây dựng chữ viết trên cơ sở chữ La tinh mà ngày nay gọi là chữ quốc ngữ đã lặp lại quy trình sáng tác chữ nôm. Alexandre de Rhodes (Bá Đa Lộc) và các giáo sĩ người Âu phải giải quyết hai vấn đề: một là thêm những dấu phụ để phù hợp với cách đọc của người Việt khác với tiếng La tinh, tiếng Bồ Đào Nha..., hai là ghi riêng biệt từng tiếng khác với cách viết liền như tiếng châu Âu đa tiết.

Quá trình này được hình thành qua ba cuốn từ điển:

[An Nam - Bồ Đào Nha \(Gaspar de Amaral\);](#)

[Bồ Đào Nha - An Nam \(Antoine de Barbosa\)](#) và

An Nam - Bồ Đào Nha - La tinh (A. de Rhodes - 1651).

Vì tôn trọng cách phát âm của người bản ngữ nên A. de Rhodes đã ghi các âm "ph" thay cho "f", "ti" thay cho "tr", ngaoc (ngọc), thaoc (thóc), bvua (vua); bvui (vui)...

Chính vì địa vị không chính thức và tính không chuẩn hóa của chữ nôm mà chữ quốc ngữ dễ dàng thay thế. Hơn nữa hệ chữ La tinh lại rất dễ đọc và tiện lợi. Vì vậy, lúc đầu các cụ đồ Nho đã hết sức sĩ vả, coi nó là thứ chữ con giun, con đé. Sau này khi thấy nó dễ thì chính các cụ Đông kinh Nghĩa thực trong khi chống "cựu học", cổ vũ "tân học" đã phát động việc truyền bá chữ quốc ngữ.

(Phạm Đức Dương - Vietreader.com)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ngâm thơ: Không phải là mang bài thơ vào *chậu nước ngâm* mà là đọc và...kéo từng chữ cho dài ra, cho người ta nghe...hay hay.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### “Tù điền” của một người Bắc vào Nam sau 75

Ăn hàng = ăn uống

(sau này trộm cướp cũng xài từ ăn hàng, tức là đi giật dợc, cướp bóc B4-1975)

Âm binh = Cô hồn, các đảng, phá phách

(mấy thằng âm binh = mấy đứa nhỏ phá phách),...

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

### Tạo hóa

“Tạo” từ *sáng tạo*, “hóa” từ *hóa sinh*. Tức chỉ ông trời.

Thơ bà Huyện Thanh Quan có câu:

“*Tạo hóa* gây chi cuộc hí trường

Đến nay thắm thoát mấy tinh sương”.

### Giai thoại làng văn xóm chữ

Hoặc khi ông Vũ Bằng lột tả đời sống Vũ Trọng Phụng:

".. Phụng có một cái tài đặc biệt là không hề biết đánh bạc là gì mà tập phóng sự đầu tiên viết cho báo " Nhựt Tân " anh dám đề cập đến vấn đề bạc bịp. Thực ra anh cũng chưa hề quan sát một vụ " đánh cờ " bao giờ nhưng anh viết như người đánh bạc thông thạo nhất, đó là nhờ một người anh là ông Trường Tạo, cũng ở phố Hàng Bạc nói chuyện lại để cho anh viết. Cũng thế, đọc chuyện " Số Đỏ" ai cũng tưởng Phụng là một tay ăn chơi sành sỏi khét tiếng mà lại " đều " là khác nữa.nhưng sự thực trái ngược hẳn; trong tất cả anh em quen biết Phụng có lẽ là người " chân chỉ hạt bột " nhất, hiền lành nhất mà tương đối cũng là đạo đức nhất.Tiêu pha hay chơi bời gì, anh tính toán từng đồng xu, không phải là vì " kẹo" nhưng chính vì anh phải đứng mũi chịu sào lo cho cả nhà, trong đó có một bà nội góa và một bà mẹ góa, đồng thời lo sao để dành dụm được ít tiền lấy vợ, hầu có con nối dõi.

Về sau này, Phụng mòn mỏi đi, một phần lớn cũng vì thức đêm thức hôm để viết cho nhiều báo như " Tiểu Thuyết Thứ Bảy", " Tiểu Thuyết Thứ Năm", " Hà Nội Tân Văn" lấy tiền, nhưng cuộc sống của anh ở bên ngoài đối với những người lạ, không có vẻ gì vất vả; trái lại anh còn ra cái dáng nhàn nhã ung dung là khác. Dù bận rộn viết lách đến mấy chẳng nữa tuần nào anh cũng đọc hàng chục tờ báo Pháp để học thêm. Trong anh em có thể nói anh là người hiểu rõ tinh thần của giọng văn " Canard Enchaîné" nhất, mà anh cũng am hiểu nhất chính trị thế giới lúc bấy giờ..."

(Nguyễn Mạnh Trinh – Những hồi ký làm báo)

## Văn hóa người Việt xưa (6)

Michel Đức là con của Jean Baptiste Chaigneau 1769 làm qua lâu đài và lấy vợ Việt (Nguyễn Thị Sen) dưới thời vua Gia Long sau khi giúp vua thắng nhà Tây Sơn.

Michel Đức viết quyển Souvenir de Huế miêu tả: “Nhà của người Việt Nam thì lụp xụp, tối tăm, lâu đài kiến trúc chẳng có gì đồ sộ. Việt Nam sở dĩ không có thợ danh tiếng vì hễ người nào tay nghề khéo là bị sung công làm cho triều đình cho đến già. Nên họ thường hay giấu tài và không truyền nghề cho người ngoài”.

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – Lối xưa xe ngựa...)

## Thơ vô thức (4)

Đối với việc trước tác, khi muốn dựng lên một hình ảnh nào đó, điều trước tiên, ta cần chứng minh tài năng và bản lĩnh của mình. Dư luận sẽ công bình phán xét. Ta không nên theo thói thường, phải “đạp đổ” một cái gì đấy xuống... Điều gì thật sự hay đẹp, tự nhiên sẽ được chấp nhận. Gần đây, một số người cố tạo ra những cuộc “gây hấn” lớn. “Gây hấn” là một điều cần thiết để cải thiện. Nhưng, không phải vì thế mà chúng ta, để tạo sự chú ý, cần chẳng, ví dụ, đem truyện Kiều... và cụ Nguyễn Du ra 'tra tấn'.

Cũng gần đây, tôi (Nhược Trần) thấy trong giới văn nghệ sĩ Việt Nam, không ít người chạy theo một trào lưu mới đề cao và ưa chuộng thể “thơ vô thức” (?). Trong dư luận đa số độc giả biết thường thức thơ đều cảm thấy ngọt ngào khó chịu, mỗi khi bắt gặp những thể loại thơ này đăng nhan nhản trong các tạp chí Việt ngữ. Những sự ghép chữ gượng gạo. Những câu văn xuôi bị cắt ra từng đoạn, phẩy, chấm xuống hàng. Những bài thơ không thật, vô nghĩa và trống rỗng.

Thơ giống với hội họa ở ý nghĩa và tác dụng nghệ thuật nội tại, nhưng khác ở cách thể hiện. Tranh trừu tượng, tranh biểu tượng... có thể được thực hiện bởi vô thức hay tiềm thức. Nhưng trong thơ không thể có những thứ ngôn ngữ hỗn loạn được gọi là vô thức hoặc bí hiểm siêu hiện thực. Ý tứ của câu thơ có thể chuyên chở những tư tưởng lớn, những ẩn dụ, những ý nghĩa tiềm tàng của tiềm thức hay vô thức thông qua ngôn ngữ nhiều hình tượng, nhưng ở một người có tâm lý “bình thường”, khi sáng tác không thể ít nhiều không chú tâm đến những qui luật về ngữ pháp. Nói tóm, tôi khuyến khích những tìm tòi, những thể nghiệm siêu thực, nhưng hoàn toàn phủ nhận những thái độ làm dáng ngụy tạo và những sự lạm dụng quá đà. Trò chơi chữ nghĩa thật bao la vô tận, ta không nắm bắt được nó, nó sẽ hút hồn ta mất.

(Nhược Trần - Về chuyện mới cũ)

## 10 Thiên lơ mơ lố mố



Lúc bé, tưởng thành người lớn là lớn, bây giờ đã thấy có nhiều người đã lớn mà vẫn chưa thành người lớn, và đến khi thật sự thành người lớn thì người ta sẽ biết không bao giờ bé trở lại được.

## Bút ký, ký sự đầu tiên

Có thể nói Hải Thượng lãn ông Lê Hữu Trác là người đầu tiên viết ký sự hay bút ký đầu tiên trong văn học nước nhà. Là danh y đất Hương Sơn, Hà Tĩnh, năm 1782 thời vua Lê chúa Trịnh, ông nhận được lệnh triệu về kinh đô Thăng Long chữa bệnh cho Trịnh Cán con của Trịnh Sâm gần một năm. Năm 1783, ông viết xong “*Thượng kinh ký sự*” ghi lại chuyến đi. Tập ký ấy là một tác phẩm văn học vô cùng quý giá cho sử học, xã hội học thời bấy giờ.

(*Hải Thượng lãn ông*: Hải Thượng là hai chữ đầu của tỉnh Hải Dương (quê nội) và phủ Thượng Hồng (quê ngoại). Còn “lãn ông” là “ông lười”, ngụ ý...lười biếng với phú quý công danh)

(Thành Viên – Vietpen.net)

### **Chữ Việt cổ**

bủ: bà già

(Phạm Xuân Độ)

### **Chính sử, ngoại sử**

Sử Việt chia làm hai phần:  
Phần chính sử hay là *bản kỷ*.  
Phần ngoại sử hay là *ngoại kỷ*.

Trong phần ngoại kỷ gồm những chuyện cổ tích, thần thoại, truyền thuyết, huyền thoại. Tất cả đều là hư cấu, hoang đường.

(Lê Đình Châu – Thần tổ kếp của dân tộc Việt Nam)

### **11 Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Sau một loạt ấn bản “từ điển Vũ Chất” bị “tuýt còi” với lỗi ngô nghê, mới đây, lại có thêm một cuốn từ điển với cách giải nghĩa từ ngữ... giật mình, đó là cuốn “Từ điển tiếng Việt” do NXB Bách khoa Hà Nội biên soạn:

“nhọ” là “lọ”

(Chính Lê)

### **Mỗ (1)**

Trẻ già chồn chồn đều nghe lệnh  
Làng nước ai ai cũng cứ lời  
(Lê Thánh Tôn)

Đầu thế kỷ 20, thằng Mỗ còn mang tên là *mộc đạc*, rồi *đạc phu*. Mộc đạc nguyên nghĩa là cái chuông bằng đồng, có quả lắc bằng gỗ. Ngày xưa dùng "mộc đạc" để đánh hiệu vào học. Do đó người ta gọi thầy học là mộc đạc (Đào Duy Anh), hoặc đạc tư (Thiều Chửu), thầy giảng đạo gọi là đạc đức (Huỳnh Tịnh Của). Ta có thể suy ra rằng ngày xưa mỗ làng còn dùng chuông, trước khi dùng mõ.

Đầu thế kỷ 20, trong sách vở chưa có tên thằng Mỗ. Ngược lại chữ mõ (chuông mõ) đã có mặt và được định nghĩa là đồ dùng làm hiệu lệnh, bằng bông cây hoặc bông tre. Chuông mõ là tiếng gọi chung đồ dùng của thầy chùa (Huỳnh Tịnh Của). Cái mõ xuất hiện trước thằng Mỗ. Nhưng có thể nào cho rằng gọi là thằng Mỗ vì nó gõ mõ không? Chắc chắn là không vì chẳng có ai dám gọi nhà sư là thằng mõ. Muốn tìm nguồn gốc chữ Mỗ chúng ta hãy tìm hiểu chính thằng mõ. Phần đông mõ làng là những người tha phương cầu thực, từ chỗ khác tới làng kiếm ăn. Bị mọi người khinh rẻ. Chỉ cần nói thằng mõ, ai cũng biết nhân vật được nói tới.

(Nguyễn Dư – Chim viết.free.fr)



### 43 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nói về cuốn hồi ký mà mẹ ông, bà Nguyễn Thị Thế, viết về gia đình Nguyễn Tường ông cho biết: Trong sách học thì ghi là Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam sinh ở Hải Dương, không nói gì đến gốc gác của họ Nguyễn Tường, là một dòng dõi quan từ đời ông Nguyễn Tường Vân là Binh bộ Thượng thư của vua Gia Long.

Nhà văn, họa sĩ Duy Lam: Ông Nhất Linh là bác tôi vì mẹ tôi là em ruột của ông có viết cuốn Hồi ký của gia đình Nguyễn Tường-Nhất Linh-Hoàng Đạo -Thạch Lam. Tôi đã tái bản đến ba lần. Mẹ tôi viết sau khi ông mất và đó là điều đáng tiếc. Chắc ông rất thú vị vì em gái của mình mà ông rất quý cũng đã viết hồi ký. Cuốn hồi ký được nhắc nhiều nhất trong văn học. Nhắc đi nhắc lại, trích trong văn chương Việt Nam.

Khi quyển hồi ký ra đời vào năm 1968 ở Sài Gòn thì nó đã làm cho tất cả các sách giáo khoa phải thay đổi vì cái gọi là gốc gác của họ Nguyễn Tường là ở Cẩm Phô, Quảng Nam. Trước đó không ai hề hay biết. Trong sách học thì ghi là Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam sinh ở Hải Dương, không nói gì đến gốc gác của họ Nguyễn Tường, là một dòng dõi quan từ đời ông Nguyễn Tường Vân là Binh bộ Thượng thư của vua Gia Long. Chữ Tường là bởi vua Gia Long đi đến chân núi Phước Tường, Hội An thì hỏi mọi người núi này là núi gì, ông trả lời "Thưa Chúa đây là núi Phước Tường". Vua Gia Long nói với ông Nguyễn Tường Vân đi bên cạnh là hầu cận rất thân "Phước là họ ta nhưng Tường thì ta ban cho nhà ngươi". Từ đó trở đi thì mới là họ Nguyễn Tường, trước thì chỉ Nguyễn không thôi.

Cụ Nguyễn Tường Vân có làm sứ thần cho vua Gia Long sang nước Trung hoa thời nhà Thanh. Ở nhà tôi có một bức hình chụp cụ Nguyễn Tường Vân do nhà Thanh vẽ tôi có triển lãm trong các ngày lễ văn hóa ở các trường trung học ở Đà Nẵng năm 1971. Bức hình đã lâu đời hết sức nhưng màu vẫn còn đẹp nguyên."

(Gia đình Nguyễn Tường, vinh quang và bi kịch – Duy Lam)

### 12 Chữ nghĩa lơ mơ lổ mổ

Đề: Tả con gà

Nhà em có 1 con gà. Nó là giống gà Đông Cảo. Nó to bằng con gà gì. Nó nặng từ 8-10 kg... nên chả hiểu nó là giống gà gì. Cứ sáng sớm thức dậy, con gà trống nhà em nó đều nhảy phốc lên cây rơm, gáy ò ó o.  
Gáy xong hồi dài nó lấy hai cánh vỗ phành phạch vào mông đít.

### Đặt lễ quê thói với phong tục cổ truyền

#### 7 chiếc kim

Ngoài cái trâm còn 7 chiếc kim.

Theo quan niệm cổ truyền " Nam thất nữ cửu" (đàn ông 7 vía, đàn bà 9 vía). Vì để phòng xa, dùng cho con rể nên bà mẹ vợ chỉ đưa 7 chiếc kim, chứ không phải dùng cho con gái vì con gái không bị phạm phòng.

Trong hàng vạn trường hợp mới có một trường hợp là phạm phòng, nhưng điều cần thiết là phải cùng nhau hiểu biết, thông cảm mà phòng ngừa, nhất là trong tuần trăng mật hoặc vợ chồng cách xa nhau lâu ngày về gặp nhau.

Giới thiệu thêm phương thuật chữa tai biến phạm phòng:

Khi nam nữ giao hợp với nhau, khoái cảm lên đến cực độ, tinh khí xuất quá nhiều, có thể chết (chết trên bụng vợ). Khi xảy ra như thế, nhất thiết không được đẩy rời nhau ra (dù là xấu hổ cũng phải để nguyên như tư thế đang giao hợp). Nếu đàn ông xuất tinh quá nhiều bị thoát, thì người đàn bà phải chum miệng thổi hơi nóng của mình vào miệng chồng, nếu đàn bà bị thoát

hết khí, thì đàn ông cũng làm như vậy, để tổng hơi nóng của mình vào miệng vợ. Tổng hơi nóng như vậy mấy chục lần, dương khí sẽ dần trở lại.

Trong khoảnh khắc cấp bách giành giật giữa cái sống và cái chết như vậy, để bảo vệ điều hoà hai khí âm dương, chẳng những không được hoảng hốt rời khỏi giường, mà không để cho dương vật thoát ra khỏi âm hộ, nên phải ôm chặt lấy phần nửa mình phía dưới, Người đã ngất lịm rồi không biết gì nữa, hoàn toàn do người sống chủ động ôm riết lấy, để cho khí không tuyệt hẳn, phải tổng khí liên tục cho đến khi sinh khí của người kia tỉnh lại mới thôi.

Cách tổng khí: Phải chúm miệng lại, đưa được khí từ hạ đan điền(1) lên, truyền qua miệng tổng khí vào đến yết hầu người kia theo nhịp thở. Cách này cả trai và gái đều nên biết. Sau khi dương khí đã hồi phục phải dùng bài "Nhân sâm phụ tử thang"(2). Nếu nhà nghèo không có nhân sâm, thì cấp tốc dùng 4 lạng hoàng kỳ, 2 lạng đương quy, 5 đồng cân phụ tử, sắc uống cũng có thể cứu sống được.

Trường hợp người đàn ông xuất tinh quá nhiều khí hết, mà đã nhờ đẩy ra rồi, thì phải cấp tốc vực ngồi dậy ôm choàng lấy mà tổng khí vào miệng, nếu khí qua miệng khó vào thì dùng ống thông hơi hai đầu đút vào miệng mà thổi, miễn sao hơi vào được qua cuống họng. Có thể mượn người đàn bà, con gái mạnh khoẻ khác hà hơi, không nhất thiết phải là người vợ hoặc người đàn bà vừa giao hợp. Đó là cách lấy người để chữa người, khả năng sắp chết vẫn cứu sống được.

(1) Hạ đan điền: vùng bụng dưới rốn.

(2) Nhân sâm phụ tử thang: Phụ tử: 1 đồng cân. Phục linh: 7,5 phân. Nhân sâm: 1 đồng cân. Bạch truật: 1 đồng cân. Bạch thược: 1,5 đồng cân

### “Từ điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

Ba đĩa : xạo

Bà chằn lữa = người dử dằn (dử như bà chằn)

Ba ke, ba xạo

Bá láp bá xàm =Tầm xàm – bá láp

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lâm.

#### 4. bông bột 蓬勃

Theo các từ điển Hán ngữ, từ bông bột vốn có nghĩa là xanh tốt um tùm (nói về thảo mộc) và nghĩa mở rộng là sôi nổi, mạnh mẽ (thường chỉ trạng thái hăng hái quá mức). Sang tiếng Việt thì hầu như từ này không được dùng với nghĩa vốn có ban đầu của nó trong Hán ngữ nữa. Từ điển Tiếng Việt do Gs Hoàng Phê chủ biên giải thích rằng, từ bông bột có hai nghĩa: 1. (ít dùng) Sôi nổi và có khí thế mạnh mẽ; 2. Sôi nổi, hăng hái nhưng thiếu chín chắn, không lâu bền. Còn theo cuốn từ điển mà chúng ta đang xem xét thì bông bột nghĩa là sôi nổi nhất thời. Theo chúng tôi thì Từ điển tiếng Việt giải nghĩa đầy đủ hơn. Nhưng, điều mà chúng tôi lưu ý ở đây là, soạn giả của chúng ta giải nghĩa các từ tổ chưa thoả đáng. Ông cho rằng, bông = cỏ bông, cảnh tiên, và, bột = bỗng nhiên. Như vậy thì hai từ tổ bông và bột thật khó tạo thành cái nghĩa sôi nổi nhất thời mà soạn giả đã nêu lên!

Đành rằng, chữ bông có các nghĩa như ông đã nêu nhưng đó không phải là nghĩa của nó trong từ bông bột. Chữ bông còn có nghĩa là bù xù, bõm xõm và đó mới là nghĩa đúng ở đây. Nghĩa này đã trở nên quen thuộc với mọi người Việt Nam. Về từ tổ bột, tuy nó cũng có nghĩa là bỗng nhiên nhưng còn có một số nghĩa khác nữa như mạnh mẽ, hưng thịnh; đùn lên, đẩy lên, v.v. Đó chính là nghĩa của từ tổ bột trong từ bông bột.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

## Ca dao, thành ngữ lịch sử

Thời Tây Sơn, hai anh em Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc suýt đánh nhau để tranh quyền, Nguyễn Nhạc yếu thế, mượn ca dao để khóc và nói với em:

*Lỗi lầm anh vẫn là anh*

*Nỗi da xáo thịt sao đành hỡi em*

Thời nhà Nguyễn, vua Tự Đức giết anh là Hồng Bảo để củng cố ngai vàng của mình, quan triều Nguyễn là Nguyễn Hàm Ninh mượn câu thành ngữ “*răng cắn lưỡi*” làm một bài thơ tiếng Hán. Trong bài thơ quan không nhắc đến “răng” và “lưỡi”. Nhưng vì trong bài thơ có câu: “*Hà nhân tương vong cốt nhục tình*”. Vua Tự Đức vì thấy bài thơ...hay. Nên mỗi chữ thưởng cho...một roi.

(Nguyễn Tử Quang – Điền hay tích lạ)

## Lai

Lai : nhiều, lâu

(lai láng)

(Tự điền tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ đại hay chữ thái?

Tương truyền thuở nhỏ, một hôm cậu bé Lê Quý Đôn cời trường đi tắm với các bạn. Có một vị quan Thượng thư đồng liêu với cha (là Lê Trọng Thứ) tới thăm, hỏi đường đến nhà. Cậu liền đứng dạng chân và dang tay ra bảo quan Thượng:

*Nếu ông biết được cháu đang ra dấu chữ gì, cháu sẽ chỉ nhà cho.*

Quan Thượng bực mình nói:

Trẻ con đừng hỗn láo. Mày mới học lỏm được chữ “đại” mà đã dám đi trêu chọc người rồi.

Cậu cười to:

*Thế thì ông không biết chữ thật! Có cái chấm ở dưới nữa thì là chữ “thái” chứ sao lại chữ “đại”!*

(Phụ chú: Chữ thái, chữ đại giống chữ nhân, hình tượng chữ nhân là người có 2 nét xỏ dang ra như 2 cái chân.

Chữ thái cùng nghĩa với chữ đại là lớn, nét giống chữ đại nhưng có một dấu chấm ở chỗ dang ngang như 2 cái chân người)

## Chữ Việt gốc Tàu

Chữ Việt gốc Tàu là một đặc thù của văn hóa Đông Nai – Cửu Long, là những chữ, mà ta dùng thẳng từ của người Tàu và dùng âm của mẫu tự quốc ngữ viết lại.

Như những từ ngữ trong canh bài xì phé (bài tây) :

Tây – Con bài úp

Pha – Nghĩa là sợ, không thêm tiền vào nữa.

Tổ - Thêm tiền vào. Hán Việt là “*đá*”.

Thấu cáy – Dân xì phé gọi là thấu cáy Hán Việt là “*thâu kê*”, diễn nôm là...ăn cắp gà.

(Lê Ngọc Trụ – Tầm nguyên tự điển Việt Nam)

## Ca dao

*Thành ngữ điển tích của Trịnh Văn Thanh định nghĩa ca dao.*

*Ca: câu hát có khúc điệu.*

*Dao: câu hát không thành khúc điệu.*

## Chữ Hán trong ca dao (2)

Các hàn nho tránh từ chương, đề tài liên quan đến đời sống thực tại với đời sống bình dị của dân làng. Thế nhưng họ cũng không quên nghệ thuật làm thơ, chơi chữ của người Hán qua Kinh Thi. Như chiết tự như dưới đây với hỏi và đáp:

*Hỏi chàng đọc sách kinh thi  
Đàn bà đi lọng chữ chi hỏi chàng?*

Đáp:

*Anh đây học sách cửu thiên  
Đàn bà đi lọng chữ yên rõ ràng*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

## "Nhập gia vấn húy" (1)

Năm 1128, vua Lý Thần Tông (12 tuổi) cho Thái úy Lê Bá Ngọc làm thái sư, đổi họ làm Trương. Ngô Thời Sĩ ( Đại Việt sử ký tiền biên, KHXH, 1997).

Năm 1232, Trần Thái Tông ban những chữ quốc húy và miếu húy. Vì cha tên là Lý nên bắt tất cả những người họ Lý phải đổi thành họ Nguyễn.

Đời Trần Nhân Tông (1282), có con cá sấu đến sông Lô, vua sai hình bộ thượng thư là Nguyễn Thuyên làm bài văn tế ném xuống sông. Cá sấu tự nhiên bỏ đi. Vua cho việc này giống việc của Hàn Dũ, bèn cho Nguyễn Thuyên đổi họ thành Hàn Thuyên.

Sử chép rằng năm 1400, Trần Vấn và Trần Tùng được Hồ Quý Ly ban họ Hồ. Rất có thể Hồ Quý Ly là người đầu tiên nhập cảng trò ban họ vua vào nước ta.

Hồ Quý Ly vốn họ Hồ, được Lê Huấn nhận làm con nuôi và cho đổi sang họ Lê. Đến khi cướp được ngôi nhà Trần, lại bỏ họ Lê lấy lại họ Hồ.

Sau khi toàn thắng quân Minh, năm 1428 Lê Lợi lên làm vua, ban thưởng, ban họ vua cho 221 công thần.

Vua Tự Đức phê rằng: Bầy tôi có công được ban quốc tính là Hán Cao tổ ban cho Lâu Kính trước tiên. Việc làm ấy tuy cốt để tỏ ý thân mật trung hậu đối với công thần, nhưng đã mang tiếng là làm rối cả họ hàng nhà vua, không đủ để làm gương mẫu cho đời sau; huống chi nhà Lê lại cho quốc tính nhiều quá thế này thì nhảm lắm! (Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục).

Năm 1460, Lê Thánh Tông bắt người họ Trần phải kiêng húy, đổi thành họ Trình.

(Nguyễn Dữ - Người đầu tên họ là gì?)

## Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại.

Ca: vai anh

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

## Chữ Việt gốc Tàu

Chữ Việt gốc Tàu là một đặc thù của văn hóa Đồng Nai – Cửu Long, là những chữ, mà ta dùng thẳng từ của người Tàu và dùng âm của mẫu tự quốc ngữ viết lại.

Như:

*Phở* nguồn gốc từ chữ “phảnh” của tiếng Quảng Đông.

*Nạm* là miếng thịt ở bụng con bò có một lớp mỡ dính sát vào miếng nạm.

*Ngầu* mà ta đọc là gầu. Hán Việt là “ngầu đực”, đúng nghĩa là...miếng thịt bò.

\*\*\*

*Hủ tíu* giống như bánh phở của ta. Triều Châu đọc là “*quẻ tíu*”. Hán Việt là “*qua điếu*”.

*Mì* là bột lúa mì pha trứng, màu vàng, sợi nhỏ. Đúng ra là “*mìn*”, ta đọc trại đi là...*mì*.

*Tiệm xám* là *tiệm* ăn sáng. Hán Việt là *điểm tâm*.

\*\*\*

*Lẩu*, Quảng Đông đọc là “*lò lữa*”. Ta đọc là...”*lả-u*” là dụng cụ nấu nướng gồm cái lò và nồi nước. Vì nồi nấu có nước bao quanh một cái ống nên còn được gọi là...*củ lao*.

*Lẩu* còn gọi là “tả pín lù”. Hán Việt là “đả biên lư” nghĩa là “*đánh bên lò*”.

Từ “tả pín lù” của Tàu ta có...”thịt bò nhúng dấm”.

(Lê Ngọc Trụ – Tầm nguyên tự điển Việt Nam)

### 13 Ca dao lơ mơ lố mớ

Bước chân dô quán đèn mờ

Ngồi gần con gái không sờ là ngu

Thà rằng cắt tóc đi tu

Ngồi gần con gái...ngu sao không sờ

### Lãng cẳng

Lãng cẳng : vội vàng

(thấy nó lãng cẳng chạy theo)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Những câu đối hóc búa

Gần đây có những câu đối hóc búa là những câu đối có vận tài tình về lối chơi chữ.

Như:

Vợ cả, vợ hai, hai vợ đều là vợ cả

Nem chả ngon, chả ngon

Chị hươu đi chợ Đồng Nai, ghé qua Bến Nghé ngồi nhai khô bò

(Thân Trọng Thủy – Tập san Tân Văn)

### Truyện hậu hiện đại (1)

Nền văn học trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia Tây phương, nếu chủ nghĩa hiện đại, trong nửa đầu thế kỷ 20, gắn liền với những thử nghiệm táo bạo của thơ, từ chủ nghĩa dada đến chủ nghĩa siêu thực, chủ nghĩa vị lai và chủ nghĩa hình tượng (imagism) thì chủ nghĩa hậu hiện đại, từ giữa thế kỷ 20 đến nay chủ yếu gắn liền với tiểu thuyết, từ tiểu thuyết của Georges Perec và Monique Wittig ở Pháp đến tiểu thuyết của Italo Calvino và Umberto Eco ở Ý, của Gabriel Garcia Márquez ở Colombia, của J.M. Coetzee ở Nam Phi, và đặc biệt, của những tên tuổi như John Barth, Donald Barthelme, Robert Coover, Thomas Pynchon.

Như vậy, nhìn từ bất cứ khía cạnh nào, người ta cũng đều không thể phủ nhận một sự kiện: Từ mấy thập niên gần đây, tiểu thuyết đã thay thế thơ trong vai trò một thể loại chủ đạo trong sinh hoạt văn học. Đáng kể hơn, tính chất chủ đạo ấy còn thể hiện ở phương diện kỹ thuật và

mỹ học: Chính ở tiểu thuyết, chứ không phải trong thơ, người ta chứng kiến được nhiều thử nghiệm táo bạo và độc đáo nhất liên quan đến nghệ thuật ngôn ngữ.

(phỏng theo Nguyễn Hưng Quốc – Truyện: Một số vấn đề mỹ học)

### **Khoa cử (7)**

Nền khoa cử chỉ một lũ hủ nho, mở miệng ra chỉ biết “chi, hồ, giả, dã”. Trong *Việt Nam quốc sử khảo*, về bãi bỏ thi cử Phan Bội Châu viết: “Triều Tiên bỏ từ năm Giáp Ngọ 1894, Trung Hoa bỏ từ năm Canh Tý 1903 duy chỉ nước ta còn có mà thôi”.  
Và tiếp: “Người ta mửa ra, mình lại nuốt vào”.

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – Lối xưa xe ngựa...)

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **Phù dâu**

Tục lệ xưa cần có phù dâu vì hôn nhân cưỡng ép, do cha mẹ định đoạt, nhiều nơi lại có nạn tảo hôn, thông thường thì “Nữ thập tam nam thập lục”, con gái mười ba tuổi về nhà chồng đã biết gì đâu! do đó cô dâu phải có người dẫn dắt.

Người dẫn dắt cô dâu gọi là phù dâu.

Ngày xưa phù dâu phải là người cô, người dì hay chị em thân thiết của cô dâu, bày vẽ cho cô dâu, được cô dâu kính nể, mến phục, được bố mẹ cô dâu ủy thác. Người phù dâu phải là người may mắn, tốt phúc, duyên ưa, phận đẹp, con gái lành mạnh ngoan ngoãn, gia đình êm ấm, đề huề có thể truyền kinh nghiệm làm dâu, làm mẹ, làm vợ cho em, cho cháu mình. Phù dâu nhiều khi còn phải ở lại năm bảy ngày sau để cho cô dâu đỡ buồn và để chỉ bảo kinh nghiệm. Thông thường phù dâu cũng trở lại với dâu rể trong lễ lại mặt.

Đám cưới ngày xưa phải có phù dâu, không định lệ, và cũng không có danh từ “phù rể”. Đám cưới ngày nay, nhiều nơi có cả phù dâu, phù rể, có đám mời đến năm sáu đôi phù dâu phù rể toàn là trai thanh, gái lịch, chưa vợ chưa chồng. Có lẽ mục đích để cô dâu thêm bạn, chú rể thêm bầu. Hay phải chăng ngày nay chàng rể bên lén e thẹn hơn xưa, nên phải có người dẫn dắt.

#### **Chữ nghĩa làng...nhậu**

Theo người Tàu, rượu là thuốc nên chữ “Y” (thuốc)  
Có chữ “Tửu” (rượu) đứng trước

(Nguồn: Mường Giang)

#### **Ca dao Hán Việt (1)**

Trong những bài ca dao thể loại này, chữ Hán và nghĩa được thể hiện cùng một lúc:

*Cha con thầy thuốc về làng*

*Hỏi hương phụ tử thì chàng đối sao?*

**Đáp:**

*Con vua đi sứ nhà trời*

*Thiên môn quân tử đã tỏ nhời chưa em*

Cha con về làng, chữ Hán là phụ tử và hỏi hương, nhưng *phụ tử* và *hỏi hương* cũng là tên một loại thuốc. Con vua và nhà trời, chữ Hán là quân tử, thiên môn, nhưng *quân tử* và *thiên môn* cũng là tên của một vị thuốc.

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

#### 44 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

- Còn câu hỏi về sự tự vẫn của Nhất Linh tuy đã được bàn rất nhiều trên báo chí nhưng đâu đó vẫn còn những câu hỏi cho rằng Nhất Linh có vấn đề tâm thần dẫn tới cái chết của ông ấy...

- Đến bây giờ mọi người vẫn không chịu tìm hiểu gốc gác các câu chuyện tại sao, động cơ nào đã khiến ông Nhất Linh tự vẫn. Tôi làm việc với ông Nhất Linh nhiều nhất, khi tôi bắt đầu viết truyện theo sự huấn luyện và kèm của ông thì tập “Chồng con tôi” ra đời và do ông chọn. Tiện đây tôi cho anh biết rằng lý do tại sao ông ấy lại làm ra vẻ điên như vậy vì ông ấy nói với tôi vào thời tôi đến chơi ở Đà Lạt với ông: “Đời bác lắm khi phải giả vờ để tránh sự chú ý của Pháp. Có một lần bác phải giả điên điên, đại đại một thời gian. Rồi sau này thì nói khỏi rồi”.

Trong cuốn sách của ông Tú Mỡ có nói đến đoạn đó. Đó chẳng qua là một mưu kế chính trị mà một người như ông phải làm thôi. Đó là lần thứ nhất. Lần thứ hai, lần này thì mẹ tôi có ghi trong cuốn hồi ký là năm 60, ông ở nhà bà ngoại tôi là mẹ ông ở 58 Lý Thái Tổ (mà sau này tôi vô ở cùng) thì cảnh sát đứng rình chung quanh nhà. Như mẹ tôi nói” anh Tam lấy giấy tờ vát ra cửa sổ”, rồi nói năng lảm nhảm để giả vờ mình bị điên.

Thế nhưng cái đó không phải là lần đầu tiên. Ngày trước bác đã giả vờ điên rồi. Cái đó có ghi trong sách nhưng không ai đọc sách cả. Trong cuốn hồi ký của mẹ tôi đã in đến lần thứ ba. Mẹ tôi còn khôi hài “giả bác vát tiền ra thì mẹ đến mẹ nhặt”. Hai lần giả vờ điên thế nhưng người ta cứ bảo ông Nhất Linh tự tử chống Ngô Đình Diệm là vì ông điên. Tôi sợ họ không đọc sách cho kỹ nên họ mới là người điên.

(Gia đình Nguyễn Tường, vinh quang và bi kịch – Duy Lam)

#### Văn học miền Nam

Trước khi tìm hiểu chỗ đứng của văn học miền Nam từ 1954 đến 1975 trong bối cảnh chung của văn học Việt Nam, chúng ta cần nhìn lại sự hình thành và phát triển văn học quốc ngữ tại miền Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Chữ quốc ngữ được sử dụng, về mặt hành chánh, ở trong Nam trước, vì người Pháp chiếm Nam Kỳ trước và họ thúc đẩy việc dùng quốc ngữ trong Nam. Một mặt khác, nhờ sự tiếp xúc với Pháp và văn học Pháp, người Nam cũng hấp thụ được tinh thần dân chủ của Pháp qua ngã học đường và sách vở báo chí Pháp. Những nhà trí thức Tây học đầu tiên như Trương Vĩnh Ký (1837-1898), Huỳnh Tịnh Của (1834-1897), đều thấm nhuần hai nền giáo dục: thừa nhỏ học chữ nho, sau đó được các thầy tu đưa vào trường đạo học tiếng La tinh và tiếng Pháp, rồi đi du học (các trường đạo) ở Cao Mên, Mã Lai. Trương Vĩnh Ký nổi tiếng biết 15 ngoại ngữ, 11 từ ngữ, trở thành nhà bác học được các đồng nghiệp Tây phương kính trọng. Ông cũng là nhà bác ngữ học (philologue) và Việt học đầu tiên của nước ta. Bộ từ điển tiếng Việt “Đại nam quốc âm tự vị” do Huỳnh Tịnh Của soạn năm 1893, cũng là một trong những viên gạch đầu tiên xây dựng nền văn học quốc ngữ. Từ báo quốc ngữ đầu tiên là tờ Gia Định Báo, do Pháp lập năm 1865, với chủ bút Trương Vĩnh Ký, rồi Huỳnh Tịnh Của. Tiếp đó đến tờ Nam Kỳ Nhật Trình (số 1 - 21/10/1897), Nông Cổ Mĩn Đàm (số 1: 1/8/1901), Lục tỉnh tân văn (số 1: 15/1/1907) v.v... Theo tài liệu của Nguyễn Văn Trung (công bố năm 1987), cuốn tiểu thuyết quốc ngữ sớm nhất viết theo lối Tây phương, *Thầy Lazzaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản, xuất hiện ở trong Nam ngay từ 1887 và bản dịch Tam Quốc Chí đầu tiên, cũng khởi đăng trên Nông Cổ Mĩn Đàm, số một. (Nguyễn Văn Trung, Lục Châu Học).

Khi người Bắc di cư vào Nam năm 1954, họ ngạc nhiên thấy những người phu xe xích lô Sài Gòn, buổi trưa, tìm chỗ mát nghỉ ngơi, ngồi gác chân đọc nhật trình, việc không thể có ở ngoài Bắc. Sở dĩ có hiện tượng này bởi vì miền Nam có truyền thống đọc sách báo của người bình dân mà ở ngoài Bắc không có; bởi miền Nam đã là vùng đất của quốc ngữ và báo chí, tiểu thuyết, ngay từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khiến nền văn chương bình dân phát triển

manh ở trong Nam, trong khi ngoài Bắc, sách vở, báo chí phần lớn chỉ dành cho người có học.

(Thụy Khuê – Văn học miền Nam)

## 15 Chữ nghĩa lơ mơ lố mỗ

Sau một loạt ấn bản “từ điển Vũ Chất” bị “tuýt còi” với lỗi ngô nghê, mới đây, lại có thêm một cuốn từ điển với cách giải nghĩa từ ngữ...giật mình, đó là cuốn “Từ điển tiếng Việt” do NXB Bách khoa Hà Nội biên soạn...

“bia” là “rượu giải khát”

(Chính Lê)

### Chữ nghĩa lơ mơ lố mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

#### 5. cáo bệnh 告病, cáo lão 告老

Trong các từ này mà giảng rằng, cáo nghĩa là báo cho biết thì thật là ngớ ngẩn, nhưng chính soạn giả đã giảng giải như thế. Chữ cáo 告 có nhiều nghĩa, mà nghĩa cụ thể trong trường hợp này là xin rút lui, xin miễn trừ. Nghĩa này cũng đã đi vào tiếng nói hàng ngày của người Việt Nam, ví dụ, người ta nói “hôm nay có cuộc họp nhưng tôi xin cáo” thì cáo có nghĩa là xin miễn họp. Khi nói đùa thì người ta đổi cáo thành kiếu, ví dụ: chuyện đó thì tôi xin kiếu.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Tiếng Việt trong sáng

Làm tốt: Tốt là một tính từ bổ túc nghĩa cho danh từ, như hạnh kiểm tốt, sức khỏe tốt. Ngày nay tốt được dùng làm trạng từ bổ túc nghĩa cho động từ, như làm tốt, học tốt, thay vì nói làm giỏi, học giỏi.

(Triêu Thanh tạp chí)

### Ca dao Hán Việt (2)

Trong những bài ca dao thể loại này, chữ Hán và chữ nghĩa nằm ở hai vế trên và dưới:

*Cưu hạn phùng cam vũ  
Tha hương ngộ cố tri  
Tình cờ mà gặp mấy khi  
Hỏi thăm thực nữ giai kỳ định chưa?*

Câu chữ Hán ở vế trên có nghĩa là: Xa quê gặp bạn cũ chẳng khác nào đại hạn gặp mưa.

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

### Mỗ (2)

Sách vở xưa dùng chữ “mỗ” để gọi những người không biết tên. Chữ mỗ là đại danh từ không chỉ rõ cái gì, người nào. Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án, đưa ra một loạt các ông bà Mỗ : ông liệt sĩ Mỗ (họ tên chưa thể tra xét được). Thầy địa lý Tả Ao là ông Mỗ, người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh). Ông thượng thư Nguyễn Văn Giai thuở nhỏ học ông Thái học sinh Mỗ. Có thể cho rằng chữ Mỗ, chỉ một người không tên tuổi, là từ chữ Mỗ mà ra.



Mời ai, tìm ai, tiếng Hán Việt là "Mộ". Chữ "mộ" có thể chuyển qua chữ nôm thành "mõ". Mõ là người đi mời (mộ) làng nước. Về sau các đồ vật được mõ dùng, hoặc các đồ vật được dùng để làm hiệu lệnh, để rao gọi, đều được gọi là mõ. - điếm làng có cái mõ cá làm bằng đá tạc hình con cá. Tấm sắt cầm canh (chữ Hán Việt là thác) cũng được gọi là mõ canh. Nhà sư lúc tụng niệm chú tâm dùng mõ làm hiệu lệnh, giữ nhịp.

Bài thơ *Vịnh cái mõ* của Nguyễn Bình Khiêm có câu: "*Điều đầu thiên cao dạ chuyển canh*". nghĩa là "*Trời cao, tiu keng, đêm dời canh*". Và được chú thích rằng: "Điều là cái keng (xưa gọi là cái tiu), đầu là cái đầu dùng trong quân binh để đong gạo nhưng cũng dùng để gõ làm hiệu lệnh. Điều và đầu đều dùng như keng và mõ trong quân binh".

Tóm lại, thằng Mõ, người đi mời mọi người trong làng, là do chữ mộ (mời) hoặc chữ mõ (không tên tuổi) mà ra. Và đồ nghề của Mõ thì được gọi là cái mõ. Cái mõ có thể được làm bằng gỗ, bằng tre, bằng gạch đá hay bằng sắt.

(Nguyễn Dư – Chim viết.free.fr)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mõ

Nhà thơ, nhà văn: Không có nghĩa là cái nhà để chứa những bài thơ, bài văn mà chỉ là người làm thơ, làm văn.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### "Từ điển" của một người Bắc vào Nam sau 75

Bá chấy bù chét

Bà tám = nhiều chuyện (thôi đi bà tám = đừng có nhiều chuyện nữa, đừng nói nữa)

Bang ra đường = chạy ra ngoài đường lộ mà không coi xe cộ, hoặc chạy ra đường đột ngột, hoặc chạy nghênh ngang ra đường

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

### Chữ Việt cổ (I)

Sách Lĩnh Nam Chích Quái của Vũ Quỳnh viết trong thế kỷ 15 gọi lối ký tự Việt cổ là chữ Khoa đầu do có hình những con nòng nọc. Sách Thông Chí của Trịnh Tiêu biên soạn trong đời Tống có đoạn viết rằng "Đời Đào Đường, nam di Việt Thường thị qua nhiều lần thông dịch đã biểu một con rùa thần, rùa ước được ngàn tuổi, rộng hơn 3 thước, trên lưng có chữ Khoa đầu, chép việc từ lúc khai thiên lập địa đến ngày nay. Vua Nghiêu cho chép lấy gọi là Quy lịch".

Khác với chữ Hán tượng hình, Khoa đầu của người Việt cổ là thứ chữ tượng thanh gồm nhiều ký âm viết thành hàng ngang như chữ Quốc ngữ ngày nay.

Gần đây nhà nghiên cứu Đỗ Văn Xuyền sắp xếp lại thành 47 chữ cái cùng phép chính tả và vài niêm luật. Trước đó trong khoảng năm 1850, vị quan Phạm Thận Duật cũng là nhà văn hóa lớn đã tỉ mỉ ghi chép, phân loại các dị bản chữ cổ ở vùng Tây Bắc.

(Chữ Việt cổ - Trần Văn Hạc)

### Chữ Việt cổ

bõ : ông già

(Phạm Xuân Độ)

## Truyện hậu hiện đại (2)

Ở Việt Nam, ở đâu văn học cũng nhanh chóng thay hình đổi dạng, biến những thành tựu rực rỡ nhất và táo bạo nhất thì sau đấy trở thành khuôn sáo lỗi thời, văn học Việt Nam vẫn tiếp tục chìm đắm trong những cuộc khủng hoảng triền miên. Trong khi ở những nơi khác, nếu có khủng hoảng, sự khủng hoảng ấy thể hiện chủ yếu trong thơ; ở Việt Nam, ngược lại, sự khủng hoảng, theo tôi (Nguyễn Hưng Quốc), chủ yếu nằm ở thể truyện, từ truyện dài đến truyện ngắn.

Liên quan đến sự khủng hoảng của thể truyện, tôi có ba bằng chứng chính. Thứ nhất, trong khoảng trên dưới mười năm trở lại đây, tức từ sau sự xuất hiện của Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài, thể truyện Việt Nam không còn sự thay đổi nào mang tính đột biến nữa.

Thứ hai, trong lúc khá đông nhà thơ biết thơ mình chưa hay cũng như chưa mới và không ngừng trăn trở tìm cách làm cho nó mới hơn và hay hơn, từ đó, tạo nên một số những thử nghiệm thú vị, có khi hơi ồn ào. Ngược lại, trong giới viết truyện, người ta lại chứng kiến một sự thình lình và hơn nữa, một sự bình yên một cách lạ lùng. Dường như ai cũng đã biết là mình sẽ viết như thế nào. Vấn đề còn lại chỉ là cảm hứng. Có cảm hứng là có tất cả. Những người viết không hay là bởi vì cảm hứng của họ đã cạn hoặc không còn nòng. Điều một số người tha thiết với tiền đồ văn học là tạo không khí sinh hoạt để nuôi dưỡng cảm hứng...

Thứ ba, như một trong những bằng chứng cho thấy sự khủng hoảng của “*thể truyện*”, là các quan điểm có tính chất “*lý thuyết về thể truyện*” tại Việt Nam phát triển rất chậm, cực kỳ chậm, chậm đến đáng kinh ngạc: Nghe những lời phát biểu về tiểu thuyết, đầu đó, trên báo chí, có khi từ những cây bút thành danh từ lâu, người ta không khỏi có cảm tưởng như đang sống ở thế kỷ... 19, thậm chí, đầu thế kỷ 19.

(Truyện: Một số vấn đề mỹ học - Nguyễn Hưng Quốc)

### 16 Ca dao lơ mơ lỏ mỗ

Đương khi lửa tắt cơm sôi  
Lợn kêu con khóc, chồng đòi tòm tem  
Bây giờ con đã ngủ yên  
Lợn no cơm chín, tòm tem thì *tòm*

### Chữ Việt gốc Tàu

Chữ Việt gốc Tàu là một đặc thù của văn hóa Đồng Nai – Cửu Long, là những chữ, mà ta dùng thẳng từ của người Tàu và dùng âm của mẫu tự quốc ngữ viết lại.

Như:

Xá li – Trái lê Tàu. Hán Việt là “tuyệt lê”. Ta gọi...ôi xá li.

Yến – Đơn vị đo lường ngày xưa, khoảng 10 cân hay 6 kí lô.

Xính xáng – Tiên sinh hay thầy hoặc cô giáo.

Xế – Xe, tài xế là người lái xe.

Tía – Cha (Quảng Đông, Triều Châu gọi là dượng. *Tía* rất thông dụng ở miền Hậu Giang.

**Con cò nó mổ con lợn**

**Bớ chị ghe lườn muốn *tía* tôi không**

Dụ khị là...dụ khị. “Khị” là nó.

Mũ là...cái nón.

(Lê Ngọc Trụ – Tầm nguyên tự điển Việt Nam)

## 17 Chữ nghĩa lơ mơ lổ mổ

Không biết dựa cột mà nghe, cứ le te người ta đâm cho vỡ mồm.

### Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

#### Lại quả

Lễ thành hôn, tơ hồng, hợp cẩn xong xuôi, hai vợ chồng tân hôn trở về nhà gái mang theo lễ vật để tạ gia tiên ông bà cha mẹ, đi chào họ hàng thân nhân bên nhà gái sau đó đón bố mẹ và vài thân nhân sang nhà chú rể. Kể từ buổi đó, mẹ cô dâu mới chính thức tới nhà chú rể và nhà thông gia, vì trong lễ cưới, mẹ cô dâu (có nơi cả bố) không đi đưa dâu. Lễ lại mặt thường tiến hành vào ngày thứ hai hoặc thứ tư sau ngày cưới (gọi là nhị hỷ hoặc tứ hỷ) tùy theo khoảng cách xa gần và hoàn cảnh cụ thể mà định ngày.

Phong theo tục cổ Trung Hoa: nếu trong lễ lại mặt, có cái thủ lợn cắt lổ tai tức là ngầm báo với nhà gái rằng nhà trai trả lại, vì con gái ông bà đã mất trinh (Đêm tân hôn có lót giấy bản, gọi là giấy thám trinh, để xem người con gái còn trinh tiết hay không. Nếu còn trinh thì trên giấy bản sẽ có mấy giọt máu.

Mã Giám Sinh sau khi cưỡng ép phá trinh nàng Kiều xong dùng "Nước vỏ Lựu", "Máu mào gà" hồng lường gạt làng chơi tưởng nhầm là Kiều vẫn còn trinh).

## 45 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hưng Việt: Tuy nhiên ở hải ngoại, nhà văn Duyên Anh lại bị cô lập, có phải chăng vì dư luận cho ông là "Ăng ten" (antenne) ? Anh nghĩ gì hoặc biết gì về dư luận trên?

Nguyễn Vy Khanh: Chuyện này có nhiều nguyên nhân. Làm ăng-ten hay không ở trong các trại "cải tạo" không ai có thể nắm sự thật hết, ngay cả cai tù cộng-sản. Có người nín thở qua cầu, có kẻ muốn tăng công để được yên thân hoặc về sớm, nhưng những kẻ đáng trách là những kẻ làm hại bạn mình, đồng nghiệp mình đến chết vì thù oán. Sống trong cảnh mất tự do, bị dòm ngó, theo dõi, thì cái chết của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn vốn đã yếu về thể chất, nếu không có bằng chứng rõ rệt thì không thể kết cho Duyên Anh được. Phải nói là người ta nhân cái chết đó để tung hỏa mù thì đúng hơn. Dĩ nhiên sẽ dễ hơn nếu đương sự nhìn nhận và xin lỗi như trường hợp nhạc sĩ VTA.

Khi Duyên Anh ra đến hải ngoại thì đã có một số hồi-ký cải tạo kể những chuyện không thật, Duyên Anh lại cho ra ba cuốn hồi ký (Nhà Tù, Nhìn Lại Những Bến Bờ, Sài Gòn Ngày Dài Nhất) thế là rối rắm thêm và Duyên Anh đã trở thành "nạn nhân tiêu biểu" kéo dài của xã hội miền Nam. Một số nhóm cựu tù cải tạo và kẻ thù của ông trước 1975 hợp nhau để "kết án" ông.

Tưởng cũng cần biết là trước 1975, dưới bút hiệu nhà báo Thương Sinh, Duyên Anh đã gây thù chuốc oán khá nhiều, một phần do ông trên đài thành công nổi tiếng, một phần ông bị xúi hoặc mua chuộc và cả đe dọa. Duyên Anh và Thương Sinh đánh không chừa một ai, kể cả giáo sư Nguyễn Văn Trung, nhà văn Trần Phong Giao phụ trách tạp chí Văn (ông TPG mất job ở Văn phần nào đó cũng vì Duyên Anh và áp lực Nguyễn Sa), v.v. Cuối cùng người ta nói các cô ca sĩ có yêu nhau bao giờ, áp dụng cũng đúng trong trường hợp Duyên Anh. Duyên Anh và vợ chồng Nhã Ca là những nhà văn nhà báo hiếm hoi nổi "cơ đồ" nhờ vào tác phẩm bán chạy! Cuối cùng chuyện Duyên Anh bị cô lập và đả thương thành tật nguyên, Duyên Anh vào cuối đời đã không nói đến dù được hỏi (X. phỏng vấn của Đỗ Tiến Đức. "Duyên Anh, cuối đời" trên tạp chí Văn Học CA (131, 3-1997, tr. 108-125)). Và nếu muốn công bằng cũng nên xét đến đời tư riêng của Duyên Anh vào những năm cuối cùng!

(Nguyễn Vy Khanh nói về Duyên Anh – Hưng Việt)

## Chữ nghĩa làng...nhậu

Nàng rằng nàng chẳng sợ ai  
Sợ thẳng say rượu “ấy” dai đầu nàng

### Rượu ty (2)

Một mặt chính phủ bảo hộ đưa ra chính sách ngăn cấm các làng nghề, ngăn cản người dân tự nấu rượu, mặt khác lại bắt người dân phải tiêu thụ theo định mức các loại rượu do nhà máy rượu của chính phủ bảo hộ sản xuất (rượu công ty, còn gọi là *rượu Ty*).

Nhà nào đóng môn bài đặc biệt mới được cấp tấm bảng to bằng cỡ miếng gạch tàu vẽ chữ "RA" (viết tắt của *Régie d'Acool - Sở rượu*) về treo trước cửa để bán sản phẩm của Công ty rượu Đông Dương (*Société françaises des Distilleries de l'Indochine*, thường được dân gian gọi là *Công ty Fontaine* vì công ty này do A.Fontaine thành lập năm 1901, hãng độc quyền sản xuất kinh doanh trên toàn cõi Đông Dương loại rượu tương đối nhạt được nấu bằng gạo và ngô).

## 18 Thiên lơ mơ lỗ mỗ



Lúc bé, tưởng đóng đinh thì đóng đinh, không thích thì là có thể nhỏ, bây giờ cảm nhận được đinh có thể nhỏ nhưng vết sâu vẫn còn.

### Hoa chúc

Ta có câu “Động phòng hoa chúc”, “*hoa chúc*” do chữ *đuốc* *hoa* tức cái đèn cầy, hay nến đốt trong phòng đêm tân hôn.

Tiếng “*chúc*” thời cổ là “*đuốc*”. Tức bó đóm to, tiếng Hán là “*hỏa bả*”. Bó đuốc chưa đốt gọi là “*tiêu*”. Đóng cọc xuống đất mà đốt gọi là “*đình liệu*”.

Vậy mà sau 15 năm lưu lạc, Kim Trọng xin Kiều xe tơ kết tóc, Kiều từ chối:

Chữ trình đáng giá ngàn vàng

Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa

(Nguyễn Tử Quang – Diễn hay tích lạ)

### Phù kiều

Muốn sang thì bắc *cầu kiều*

Muốn con hay chữ phải yêu kính thầy

Kiều là cầu vì vậy “*cầu kiều*” đúng ra là *phù kiều*.

Vì “*phù kiều*” là cầu nổi. Trong Đại Nam quốc sử diễn ca có nhắc tới: *Đội quân nọ bắc phù kiều...*

(Bút Chì – Hiểu đúng thành ngữ, tục ngữ, điển tích)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

### 6. chu chuyển 周轉

Sau khi giảng giải: chu = vòng quanh, khắp, đến nơi đến chốn; chuyển = lay động; soạn giả

định nghĩa rằng, chu chuyển là chuyển động theo chu kỳ, từ hình thức này sang hình thức khác.

Thực ra, chuyển nghĩa là xoay vần, là biến hoá chứ không phải là lay động. Hơn nữa, từ «chu chuyển» thường được dùng để nói về hiện tượng kinh tế, nghĩa là loại hiện tượng vô hình, do đó, dùng cụm từ «chuyển động theo chu kỳ» e không hợp, vì có vẻ hữu hình quá. Bởi vậy, nên nói là «vận động theo chu kỳ» thì thoả đáng hơn.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Nhà tôi: Không phải là cái nhà để tôi ở mà là người bạn đời của mình hay theo tiếng Mỹ mình là...”một nửa kia”.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### “Từ điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

Bánh tòn

Banh ta lông = như hết chuyện (gốc từ cái talon của vỏ xe)

Banh xà lỏn

(Nhớ đâu viết đây... - Nguyễn Văn Trường)

### Các ông Nghè thời xưa (8)

Thi cử tổ chức theo “tam khoa”: Thi Hương, thi Hội và thi Đình.

Hương là làng. Thi Hương là thi ở địa phương.

Thi Hương qua được 3 kỳ gọi là *sinh đồ*, vượt qua 4 kỳ gọi là *hương cống*.

Hai danh hiệu này thời Minh Mạng 1829 đổi là tú tài và cử nhân, (tú tài, thi hai lần gọi là tú kép)..

(Thời Nguyễn có 8 trường thi địa phương: Hà Nội, Nam Định, - Thanh Hóa, Nghệ An - Thừa Thiên, Bình Định - An Giang, Gia Định – Riêng phố Tràng Thi, Hà Nội xưa là trường thi).

Thi Hội: Đỗ hương cống (cử nhân) thì được thi Hội. Hội là *hội họp, tập trung lại ở khu vực lớn hoặc kinh đô*. Nếu đỗ được gọi là tiến sĩ. Tiến sĩ là *kẻ sĩ* có tài được *tiến cử* cho vua dùng.

Thi Đình, sau 2 năm thi Hương vào kinh đô thi đình, kỳ thi này không loại bỏ ai, chỉ sắp loại tiến sĩ thành 3 loại gọi là “tam giáp”.

- Tiến sĩ đệ nhất giáp chia làm tam khôi: Trạng Nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.

- Tiến sĩ đệ nhị giáp gọi là Hoàng giáp.

- Tiến sĩ đệ tam giáp là tiến sĩ xuất thân.

Đỗ đầu cả 3 kỳ thi Hương, Hội và Đình được gọi là Tam nguyên.

Trước nhà Lý, Trần, Lê đỗ đầu thi Đình được gọi là trạng nguyên. Sau nhà Nguyễn bãi bỏ chức danh này. Khi tiến sĩ tân khoa đợi dưới mái hiên (miền Trung gọi là *nghe*) để vào vua ban thưởng. Vì vậy tiến sĩ còn được gọi là...ông Nghè.

(Trần Ngọc Thêm – Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam)

### Chén thù chén tạc

Trong *tửu lạc vong bản* có câu “chén thù chén tạc” là uống hai người: chủ và khách. Bên chủ là bên “tạc” có nghĩa là chúc mừng. Bên khách là bên “thù” có nghĩa là uống đáp lại.

## Tiếng Việt trong sáng

Trong chuyến du lịch Tam Đảo tôi (Nguyễn Dư) nghe lỏm được tại một khách sạn.

- Em làm giấy tờ cho anh để về thanh toán với cơ quan.
- Dạ vâng. Thế tên anh " nà " gì nào ?
- Lê Đức Linh,
- Nê Đức Ninh.
- Anh tên là Linh. Không phải Ninh.
- Ninh... Ninh... Thế tên anh viết bằng " nờ " dài hay " nờ " ngắn ?
- Cái nhà cô này thật là ỡm ờ. " Nờ " của anh dài. Vừa ý chưa ?

Cô gái cười giòn tan :

- " Nờ " dài. Tí nữa thì em cắt cụt.
- Tưởng là chỉ có dê trên (d), dê dưới (g), i dài (y), i ngắn (i), bây giờ lại có cả " nờ " dài (l), nờ ngắn (n). Còn em, tên là gì ? Có trên dưới, ngắn dài gì không ?
- Dạ, em " nà " Xuân.
- Tên hay nhỉ, nhưng phải sờ mạnh (s) hay sờ nhẹ (x) mới chịu ?

Cô Xuân đỏ mặt, cười duyên :

- Nhè nhẹ thôi anh.

(-“l” ngắn, “l” dài - Nguyễn Dư)

## Huyền thiên

Huyền thiên - Huyền: tiếng nói ồn ào. Thiên: trời. Ý nói âm ỹ vang lên tận trời. Người Tàu có câu *huyền thiên náo địa*.

Người Việt thì nói...*huyền thuyên*.

## Truyện ngắn, truyện dài

Hỏi : *Anh viết truyện dài nhiều hơn truyện ngắn, có phải truyện dài đối với anh dễ viết hơn truyện ngắn?*

Đáp : Tôi không nghĩ là cái nào dễ cái nào khó. Chỉ là tùy hứng, chỉ là tùy đề tài. Có một điều là bây giờ, ở đây, tôi viết truyện dài không được, mà viết truyện ngắn thì cũng rất khó nhọc, thỉnh thoảng mỗ mấy chữ mấy câu mấy dòng... cho nên cả năm trời mới mỗ được một cái vài chục trang. Hồi xưa khi còn trẻ tôi viết lúc nào cũng được, ngồi đâu viết cũng được. Bây giờ già yếu bệnh tật, cái đầu còn tốt, nhưng sức thì không tốt, thế cho nên có khi phải lấy cái cũ mềm ngày xưa ra đem trả nợ ân tình.

Hỏi : *Tiếp theo xin hỏi anh có nhận xét như thế nào với lập luận “truyện ngắn là một truyện dài thu gọn lại”, trong khi đó có những truyện ngắn (hay) nhưng lại gần như không có bố cục?*

Đáp : Truyện ngắn không bao giờ là truyện dài thu gọn lại. Truyện ngắn là truyện ngắn. Nếu ai thu gọn một truyện dài lại thì đó có thể là một bản tóm tắt rút gọn, nó không phải là một truyện ngắn. Về bố cục thì có khi không bố cục là một bố cục.

Hỏi : Khi anh viết truyện ngắn hoặc truyện dài, kỹ thuật mà anh xử dụng có giống nhau không ?

Đáp : Tôi nghĩ là có khác. Kỹ thuật viết một truyện ngắn thường phải xúc tích ngắn gọn, các tình tiết cần phải được gạn lọc, lựa chọn lấy những gì là điển hình nhất để đưa vào xử dụng mà thôi. Khi hành văn thì càng ngắn càng tốt.

Với truyện dài có hơi khác vì một đề tài mình muốn viết thành truyện dài là do vấn đề mình muốn nói trong đó cần phải có một cốt truyện dàn trải ra với những tình tiết diễn tiến để dẫn tới điều mà mình muốn tác phẩm ấy phải đạt tới... Tôi không biết nói sao thêm vì tôi không có khả năng lý luận văn học.

Tôi chỉ thấy là có khác biệt khi mình làm một tác phẩm ngắn và khi mình xây dựng một tác phẩm dài. Nhưng tôi không có ý nói một tác phẩm lớn phải là truyện dài hoặc thật dài còn một tác phẩm nhỏ thì không thể lớn.

(Đặng Phú Phong phỏng vấn nhà văn Thảo Trường)

## Lâm

Lâm : chảy nhỏ mà lâu  
(mưa lâm *thâm*)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Giai thoại làng văn xóm chữ

### Tài nói láo

Truyện dân gian có nhiều, lâu nay bị thất lạc. Muốn cho đầy đủ thì quả là khó khăn, và cũng chưa biết đến bao giờ mới đạt được. Nên phải góp nhặt từng phần từng mảng, nhưng chúng tôi vẫn bằng lòng hàng chục năm nay với sự thu góp ấy.

Xưa, có một anh rất rành về khoa nói láo. Những câu chuyện anh ta bịa ra thần tình, khéo léo đến nỗi nhiều người đã biết tính anh ta rồi mà vẫn mắc lừa.

Nhờ cái tài ấy, anh ta nổi tiếng khắp vùng. Tiếng đồn đến tai quan. Một hôm, quan đòi anh ta đến nha môn, chỉ vào chồng tiền và một cây roi song to tướng để trên bàn:

-Ta nghe đồn anh nói láo tài lắm, lâu nay thiên hạ bị anh lừa nhiều rồi. Bây giờ anh hãy bịa ra một câu chuyện gì lừa được ta thì ta thưởng cho ba mươi quan tiền. Trái lại, anh không lừa nổi ta, thì sẵn chiếc roi song kia, ta cho anh ba chục roi.

Anh nói láo nghe xong, gãi đầu gãi tai bẫm:

-Lạy quan lớn, đền trời soi xét. Quả bấy lâu nay con mắc tiếng oan, con có nói láo bao giờ đâu ạ ! Nguyên con có ông tăng tổ đời xưa đi sứ bên tàu, đem về được một bộ sách nói toàn chuyện lạ, con xem thấy hay hay, đem kể lại, nhưng chẳng ai tin, cứ bảo rằng con nói láo...

Câu trả lời gợi tính tò mò của quan. Quan liền bảo:

-Thế à? Vậy anh có thể cho ta mượn xem được không?

-Trăm lạy quan lớn. Ngài xá cho, vì..... con làm gì có sách ấy! Con nói láo đấy mà !

(Vũ Ngọc Khánh - Kho tàng truyện dân gian)

## Thuật nhi bất tác

Trong văn chương chữ nghĩa thịnh thoảng có tác giả đề ra “*Thuật nhi bất tác*”. Hiểu theo nghĩa là truyện viết chỉ là chuyện kể, chứ chẳng sáng tác gì!

Thực ra câu này của Khổng Tử. Khi dịch thuật các Kinh, làm sách Xuân Thu để rao giảng đạo Nho của mình. Khổng Tử nói “*Thuật nhi bất tác*” hàm ý khiêm tốn là chỉ thuật lại đạo của người xưa chứ chẳng sáng tác chi!.

(Nguyễn Tử Quang – Diễn hay tích lạ)

## Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong “Đại Nam quốc âm tự vị” của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại.

Cam: ngọt

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

## Chữ nghĩa hiện thực

Vạn sự khởi đầu nan.  
Gian nan bắt đầu nản.

## Chữ Việt cổ (II)

Nhà nghiên cứu Đỗ Văn Xuyền (phường Tân Dân, Việt Trì, Phú Thọ), là người từ bao năm nay đã lặn lội bỏ bao công sức đi tìm và giải mã chữ Việt cổ.

Ông bắt đầu lặn lội trên con đường tìm chữ Việt cổ. Ông tìm thấy bộ chữ 17 ký tự gọi là hoá tự (nhìn giống ngọn lửa cháy) của Vương Duy Trinh (năm 1903 Tổng đốc Thanh Hóa) viết trong “Thanh Hoá quan phong” in năm 1903 đã cho rằng đây là chữ Việt cổ còn sót lại ở Tây Bắc. Vương Duy Trinh viết: “Vi thập châu (vùng Tây Bắc) là nơi biên viễn (biên giới xa) nên dân ta còn lưu giữ được thứ chữ ấy. Các nơi khác, Sĩ Nhiếp (186) bắt bỏ hết để học Hán tự”. Ông tìm thấy bộ chữ Thái thổ tự của Phạm Thiện Duật phát hiện năm 1855 cũng ở vùng Tây Bắc.

Ông đọc sách Thông giám cương mục của Chu Hi đời Tống nói: “*Đời Đường Nghiêu thứ 5 (2352 trước công nguyên) người Nam Di Việt đến châu, hiến con rùa lớn...*”. Theo cổ sử Trung Quốc “vào thời Vua Nghiêu ( năm 2357 trước công nguyên) có sứ giả Việt Thường đến kinh đô tại Bình Dương (phía bắc sông Hoàng Hà – tỉnh Sơn Tây ngày nay) để dâng một con thần quy, vuông hơn ba thước, trên lưng có khắc chữ Khoa Đầu ghi việc từ khi trời đất mới mở trở về sau”. Vua Nghiêu sai chép lấy gọi là Quy Lịch. Sách Lĩnh Nam Chích Quái của ta cũng ghi rõ điều này.

Trong một bản Ngọc phả từ thời vua Trần Thái Tông cũng ghi: “*Nghiêu thế, Việt Thường thị kiến thiên tuế thần qui, bối hữu Khoa đầu*” nghĩa là thời vua Nghiêu, nước Việt Thường tặng rùa thần nghìn tuổi, lưng có chữ Khoa đầu. Nhà nghiên cứu Lê Trọng Khánh cũng nhắc đến chữ khoa đầu thời tiền sử của dân ta.

(Trần Văn Hạc – Chữ Việt cổ)

## 19 Thiên thoại lơ mơ lỗ mỗ

Cái bát vỡ...



Một người đàn ông lớn tuổi đang gánh một gánh bát trên đường. Đột nhiên, một chiếc bát rơi xuống đất và vỡ, nhưng ông lão không hề nhìn xuống đất mà vẫn tiếp tục đi về phía trước.

Thiên sư qua đường cảm thấy rất kỳ lạ liền hỏi: “Sao cái bát của ông bị rơi vỡ, ông không mấy may động tâm?”

Ông lão đáp: “Tại sao ta lại phải nhìn, vì nhìn nó thì nó vẫn là cái bát đã vỡ rồi mà”.

(Trần Tiết)

## Tứ cố vô thân

“Cố” được hiểu theo nghĩa là cũ như “cố nhân” (người xưa), hoặc chết như “quá cố”.

Nhưng “cố” đây nghĩa là ngoảnh, quay đầu lại.

“Tứ cố” ngoảnh cổ, quay đầu lại bốn phía.

Câu “*tứ cố vô thân*” có nghĩa là “quay đầu lại bốn phía chẳng có ai là người thân”

(Duy Lý – báo Tự Do)



## 20 Chữ nghĩa lơ mơ lố mỗ

Vương Hồng Sển có nhiều chuyện nói lái, như xe thổ mộ được gọi là xe “*u mé*” vì dàn bà con gái ngồi bệt trên sàn xe gỗ cứng nên ... “*ê mu*”.

Ngoài ra còn chuyện trong tiệm ăn người Tàu hay dùng “*dấm*” đồ là “*xử*”. Khách hàng thay vì gọi cô xắm xin “*dấm*” hay “*xử*”, họ gọi gom chung cả Việt lẫn Tàu là “*dấm xử*”.

“*Dấm xử* nói lái là...*vú xắm*.”

(Nguyễn Hữu Phước – Nói lái)

## Ca dao tình tự (1)

Nói đến ngoại tình

*Hai tay cầm hai quả hồng*

*Quả chát, phần chồng, quả ngọt phần trai*

*Đêm nằm vuốt bụng thờ dài*

*Thương chồng thì ít, nhớ trai thì nhiều*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

## 46 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Trong đoạn hồi ký này, xuất bản vào năm 1988, Duyên Anh đã vô tình báo trước cái chết thảm của mình vào 9 năm sau.

Vốn là trên bước đường bán thuốc dạo, truyện viết hai thầy trò (ông thầy thuốc bán thuốc dạo & Duyên Anh) đàm đạo đủ chuyện nhân sinh, triết lý, đạo đức, chính trị, và một hôm thầy bảo trò: “Mày mâu thuẫn với chính mày. Mày sẽ trở thành con người tổng hợp trí nhớ, trí tuệ, trí khôn và trí ngu. Rốt cuộc, mày là đũa đối địa, nghịch thiên, chung thân bất mãn, chồng chát oan khiên. Mày sẽ giống Nễ Hành\* [\*một tay thuyết pháp trong truyện Tàu] không chết bởi tay Tào Tháo, Lưu Biểu, mà bị bêu nhục bởi đám vô lại Hoàng Tổ.” (tr. 222).

Tám chín năm sau, trong khi đang đi trong khu tiệm sách Tú Quỳnh trên đường Bolsa, Quận Cam, Duyên Anh bị đánh bởi một bàn tay sắt. Theo lời của một họa sĩ nhân chứng ngồi trong tiệm ăn Ngân Đình gần đó kể lại, thì Duyên Anh đang đi, có hai kẻ từ phía sau tiến đến gần, lên tiếng gọi. Duyên Anh ngoái cổ lại xem ai, thì một bàn tay sắt vung lên, đánh một cái gọn vào thái dương anh. Chỉ một cái, rồi người đó và kẻ đồng hành đi thẳng, ra đường Bolsa, khuất sau một góc nhà về phía đường Bushard, biến mất. Duyên Anh bất tỉnh, được đưa vào bệnh viện. Vì định cư ở Pháp, anh không có bảo hiểm sức khỏe ở Mỹ, nên được đưa lên máy bay về Pháp. Cú đánh đã khiến nạn nhân tê liệt nửa người, sau này phải tập viết bằng tay trái. Anh từ trần ngày 6 tháng 2, 1997 tại Paris. Vụ ám hại Duyên Anh đã tốn nhiều giấy mực, và nước bọt, khi dư luận đặt các giả thuyết ai muốn giết nhà văn? Việt Cộng, tư thù cá nhân, hay một tổ chức kêu gọi kháng chiến, như câu văn “có linh” anh viết từ nhiều năm trước, viết ở trên: “...mày sẽ giống Nễ Hành, chết bởi tay Hoàng Tổ.”

(Duyên Anh (1935-2.1997) chọc trời khuấy nước – Viên Linh)

## Đất lành què thói với phong tục cổ truyền

### Mới đẻ chưa đặt tên con

Theo phong tục, một người từ sinh ra để khi chết mang rất nhiều tên gọi: Mới lọt lòng thì thằng Cu, thằng Cò, con Hím, thằng Mực, con Cún, thằng Chát em, con Chát ả... thường là đặt tên xấu cho dễ nuôi, đến khi lớn lên thì anh Hai, anh Ba, chị Bảy... lấy vợ lấy chồng thì anh Nhiêu, anh Đồ, chị Xả... Có con gọi theo tên con, có cháu đích tôn gọi theo tên cháu, đến khi chết thì

đặt tên hèm gọi là hiệu để cúng, người có học thì tự đặt tên tự, người có chức tước thì đặt tên thụy, người có chức tước học vị cao sang thường được xưng tôn theo họ, hay tên địa phương: Cụ án Mai, Cụ Tam Nguyên Yên Đổ, ông Trọng Trình, ông Tú Vĩ Xuyên, Quan Thám Nam Sơn... Đó là theo phong tục xưng hô của Trung Hoa. Trong nhiều tên gọi nhưng chỉ có tên huý là chính: Tên huý là tên đặt khi vào sổ họ, khi vào làng ghi trong sổ họ, khi đi học đặt khi vào sổ họ, khi vào làng ghi trong sổ họ, khi đi học.

Tại sao mới đẻ chưa đặt tên chính (tên huý)?

Ngày nay đẻ ra la khai sinh, có thủ tục hộ tịch chặt chẽ. Ngày trước mỗi làng xã cúng có hương hộ lo sổ sách sinh tử, giá thú nhưng không chặt chẽ, Làng xã chỉ quan tâm đến sổ đinh (từ 18 tuổi), sổ điền để thu thuế và bắt lính, bắt phu, vì vậy vào sổ làng càng muộn càng hay, lớn lên đỡ được vài năm thuế thân, phu phen tạp dịch.

Ngày xưa, tình trạng hữu sinh vô dưỡng khá phổ biến, ít có gia đình sinh năm đẻ bảy được vuông tròn, vì vậy qua các tuần cửu mới tạm yên tâm, khi đó mới đặt tên huý. Các họ mỗi năm tế tổ một lần, các gia đình có con cháu mới sinh sắm sửa coi trầu, chai rượu, hương hoa, lễ vật đến nhà thờ họ yết cáo tiên tổ và vào sổ họ cho các con trai trước lễ yết cáo, ngày đó mới có tên huý chính thức, được họ hàng công nhận. Trong khi vào sổ họ phải đối chiếu gia phả để xem có trùng tên các vị tiên tổ hoặc ông bà chú bác trong nội thân hay không. Nếu có tức là phạm huý thì phải đổi tên. Không những phải tránh phạm huý tổ tiên bên nội mà còn phải tránh phạm huý can cụ ông bà ngoại mặc dầu khác họ, tránh phạm huý hiệu của thành hoàng, thánh mẫu, linh thần từng làng xã, các vị có uy vọng trong làng, trong họ thường được dân chúng biếu trầu rượu và nhờ đặt tên cho con. Người đặt tên được gia đình đó nhớ ơn suốt đời.

## Lâm dâm

Lâm dâm : nhỏ  
(nói *lâm dâm*)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đình Văn Thiện)

## 21 Thành ngữ lơ mơ lỗ mỗ

Yêu em mấy núi cũng trèo  
Đến khi có *chửa*, mấy đèo anh cũng giông

## Làng nấu rượu

Năm 1933, do tình trạng buôn và nấu rượu lậu khó kiểm soát, do nguồn thu từ sản xuất và tiêu thụ rượu góp phần không nhỏ vào ngân sách, đồng thời, công nghiệp phát triển dẫn đến yêu cầu cồn ngày càng nhiều, rượu sản xuất công nghiệp không đủ đáp ứng yêu cầu của người dân. Vì thế chính quyền bảo hộ đã để cho một số làng nghề thủ công có truyền thống lâu đời nấu rượu thủ công ở Việt Nam, như:

Làng Vân (Bắc Giang), Kim Sơn (Ninh Bình), Xuân Lai (Sóc Sơn), Quan Đình (Từ Sơn), Đỗ Xá (Hải Dương), Văn Điển (Hà Nội) v.v. Họ tiếp tục sản xuất rượu để bán. Tuy nhiên, việc sản xuất vẫn phải chịu sự giám sát chặt chẽ của chính phủ bảo hộ để thu thuế.

## Truyện hậu hiện đại (3)

Nếu chúng ta không thoát ra được một số những thành kiến văn hoá gắn liền với những khái niệm căn bản của "*thể truyện*". Như chữ "tiểu thuyết" hay chữ "truyện", chẳng hạn.

Tuy nhiên, điều không thể hoài nghi được là một số những ấn tượng xưa cũ gắn liền với chữ "tiểu thuyết" như là những câu chuyện lật vật và nhằm nhí ở đầu đường xó chợ chưa chắc đã được gột sạch khỏi tâm thức người Việt Nam. Cảm giác ít nhiều kinh thường tiểu thuyết dĩ nhiên không ngăn cản người Việt Nam mê đọc tiểu thuyết. Dù vậy, nó cũng khiến người ta đọc

tiểu thuyết với chút gì như rẻ rúng, chủ yếu là để giải trí. Mà cũng chỉ giải trí một cách hời hợt: Được phiêu lưu theo cốt truyện.

Chính chữ "truyện" ấy là điều rất đáng nói. Trong tiếng Anh cũng có chữ truyện tương tự: story. Tuy nhiên, như là một thuật ngữ văn học, chữ story rất ít được dùng, phần lớn chỉ xuất hiện trong khái niệm truyện ngắn: *short story*. Còn với tiểu thuyết thì đã có chữ *fiction* hoặc chữ *novel*. Cả hai từ đều có nghĩa định tính hơn là chỉ thuần mô tả. Novel, ngoài nghĩa là tiểu thuyết, còn có nghĩa là mới. Hai ý nghĩa sóng đôi ấy tồn tại như một sự nhắc nhở âm thầm: Viết tiểu thuyết là viết một cái gì mới mẻ, chưa ai kể bao giờ. Chữ fiction cũng vậy, vừa có nghĩa là tiểu thuyết vừa có nghĩa là hư cấu và văn học tưởng tượng nói chung.

Hai ý nghĩa sóng đôi ấy lại cũng tồn tại như một sự nhắc nhở âm thầm: Viết tiểu thuyết là đi vào một thế giới tưởng tượng. Trong tiếng Việt, ngược lại. Ý nghĩa của sự nhắc nhở khác hẳn: Viết tiểu thuyết là viết truyện. *Mà viết truyện là kể một câu chuyện.*

(phỏng theo Nguyễn Hưng Quốc – Truyện: Một số vấn đề mỹ học)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Ông sui: là bố mình thân mật gọi bố của vợ mình.  
Chứ không có nghĩa là "Mr Unlucky" đâu.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### “Tù điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

Bành ki = bự  
Bạt mạng = bắt cần, không nghĩ tới hậu quả  
(ăn chơi bạt mạng)

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

### 7. chúng sinh

Theo soạn giả, chúng = nhiều người, đông; sinh = sống. Ông đã giảng đúng nghĩa của chữ chúng 眾, nhưng chữ sinh 生 ở đây mà giảng là «sống» thì chưa ổn. Đành rằng, chữ sinh 生 có nghĩa là sống, nhưng đó chỉ là một nghĩa chính, ngoài ra nó còn có hơn 30 nghĩa khác gồm cả động từ, danh từ, tính từ, mà nghĩa cụ thể ở đây là sinh vật, tức là động vật và thực vật. Về từ chúng sinh, soạn giả nêu ra hai nghĩa: 1) các sinh vật (theo cách nói trong Phật giáo), và 2) các cô hồn không ai thờ cúng (theo mê tín), rồi ông đưa ra một câu ví dụ: Đổ cháo vào lá đa cuộn lại để cúng chúng sinh. Đúng ra, phải là: để cúng cô hồn chúng sinh. Tra cứu ở một số từ điển tiếng Việt, cả Từ nguyên và Từ hải của Trung Quốc, chúng tôi không thấy nghĩa thứ hai như soạn giả đã nêu. Từ chúng sinh chỉ có một nghĩa là mọi sinh vật chứ không hề có nghĩa là cô hồn không ai thờ cúng. Như vậy, khi giải thích từ chúng sinh, soạn giả đã phạm hai lỗi: chưa nêu thật đúng nghĩa của từ tổ sinh và còn gán cho từ chúng sinh một nghĩa mà nó không có.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Ca dao tình tự (2)

Nói đến ngoại tình  
*Của chua ai thấy cũng thèm*

*Em cho chị mượn chồng em vài ngày  
Chồng em đâu phải trâu cày  
Mà cho chị mượn, cày ngày, cày đêm*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

### **Chữ nghĩa làng...nhậu**

Rượu kim lan ve vàng chước tửu,  
Em mở miệng chào bạn hữu tương tri  
Bá Nha vắng mặt Tử Kỳ  
Ôm đờn luống chịu sầu bi một mình.

### **Chữ Việt gốc Tàu**

Có thể nói khoảng từ 50% tới 60% những chữ trong tiếng Việt là tiếng Hán Việt. Còn Chữ Việt gốc Tàu (hay tiếng Việt gốc Tàu) là những chữ, những âm mà ta dùng thẳng từ của người Tàu hiện tại và dùng âm của mẫu tự quốc ngữ viết lại (có khi hơi nói trại đi một chút vì không có chữ tương đương). Và khi ta nói lên tiếng đó, người Tàu “liên hệ” có thể hiểu được.

Thí dụ như:

Xí lất léo là chữ Việt gốc Tàu. Chữ nguyên thủy Hán Việt là “tử liêu”. Triều Châu có nghĩa là...”chết”. Ta đọc trại đi là...*xí lất léo*.

Hui nhị thì nghĩa là...chết, là về...nghĩa địa. Chết tiếng Quảng Đông và Triều Châu là *hui*. Tiếng Hán Việt là *về*.

Hồ, xử, xang, xê, cống, líu là từ ngữ của cổ nhạc Nam phần. Nguyên gốc Hán Việt đọc là “Hà, sĩ, thượng, xích, công, lục”.

(Nguyễn Hữu Phước – đặc san Phù Sa Sông Cửu)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lố mố**

*Đắng cay chua ngọt đã từng.  
Anh mà bỏ rượu, em đừng có mơ.*

### **Mì hay phở**

Lần ghé thăm Đà Nẵng, được anh bạn rủ đi ăn mì Quảng. Mì là bánh phở làm bằng bột gạo. Ăn đang ngon, tôi lỡ dại buột miệng: “Mì ăn với... bánh phở à? Tương là mì thì phải ăn với mì chớ?”. Anh bạn hơi lúng túng: “Từ hồi nào tới giờ tiệm vẫn làm như vậy.

Ngày chia tay được ông anh của người bạn tặng cho cuốn *Hương xưa* của Lam Hà (Hội văn học nghệ thuật Quảng Nam, 2003). Tôi say mê đọc những bài viết của Lam Hà. Đặc biệt là bài *Mì Quảng*. Tình cảm sâu đậm. Hương vị ngất ngây. Lam Hà cho biết :

*Gần như định lệ, tại xóm quê nào, ít ra cũng có đôi nhà sắm cối xay bột hoặc lò tráng để từ đó mọi gia đình có thể nhờ vả phương tiện tự túc làm mì. Với số gạo mùa đã vượt và ngâm tự lúc nửa đêm, bây giờ đem xay và tráng, với mớ rau cải quơ quít quanh vườn, dầu mỡ có sẵn trong chai, gà trong chuồng đã nhốt, hoặc nếu cần, nách rổ qua một thôi đường chợ, người ta đã có một bữa mì thơm tất.(tr. 119).*

Đúng là sợi mì Quảng truyền thống được làm bằng bột gạo. Tráng thành bánh, thái thành sợi. Hoàn toàn giống bánh phở. Hết thắc mắc sợi mì Quảng...Nhưng tôi vẫn còn thắc mắc tại sao mớ bánh phở pha nghệ kia lại được gọi là mì ?

(Nguyễn Dư – Chim viết.free.fr)

## Về hai câu thơ

Hai câu thơ:

“Đập cổ kính ra tìm lấy bóng  
Xếp tàn y lại để dành hơi”

Nguyên thủy là của Trần Danh Ánh thời Lê Mạt:

*Phá toái lăng hoa tầm cựu ảnh  
Trùng phong khâm tử hộ dư hương*

## Mười phương

Từ chữ “thập phương”. Người ta thường nói “chín phương trời, mười phương Phật”, nghĩa là nhiều nơi tụ lại. Trong truyện *Quan Âm* có câu “Mười phương Phật chín phương trời – Chưa hay đến sự dưới đời oan ru”.

Mười phương gồm có:

Đông, tây, nam, bắc, đông bắc, đông nam, tây bắc, tây nam, trên trời, dưới đất.

## Chữ quốc ngữ (1)

Cho đến bây giờ, chúng ta chưa tìm biết được ai là tác giả đã đặt tên cho thứ chữ ghi âm theo mẫu tự La tinh là “chữ quốc ngữ”.

Thực ra đây là một trường hợp sử dụng từ sai lầm vì “quốc” là nước, “ngữ” là “tiếng”. “Quốc ngữ” là tiếng nói của một nước.

Như thế khi ta dùng từ ngữ “chữ quốc ngữ” để chỉ chữ viết của nước ta là sai hoàn toàn bởi làm lộn giữa “văn tự” và tiếng nói (ngôn ngữ). Trong *Việt Nam Văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm đã nêu vấn đề trên, nhưng theo ông thì “Từ ngữ này mọi người đã quen dùng rồi không đổi được nữa”.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## Chữ Việt cổ (III)

Trong tập: “*Sự hình thành và phát triển chữ Việt cổ*”, giáo sư Lê Trọng Khánh đã dẫn chứng: Nhiều dân tộc trong Bách Việt đã dùng chữ Khoa đầu từ thời Phục Hy- Thần Nông để ghi tiếng dân tộc mình. Như vậy, dân tộc Kinh – Lạc Việt lại không còn văn bản hay sao? Riêng ở Việt Nam, chữ khoa đầu được dùng lâu hơn. Mãi đến đời Sĩ Nhiếp vẫn còn, tuy Sĩ Nhiếp cấm đoán nhưng nhân dân ta vẫn dùng.

Nhiều nhà nghiên cứu, từ Hà Văn Tấn, Lê Trọng Khánh, Bùi Văn Nguyên, Trần Ngọc Thêm... cho đến Vương Duy Trinh, Trương Vĩnh Ký, cả những nhà nghiên cứu nước ngoài ở Anh, Tiệp Khắc, Mỹ, Pháp, nhất là Trung Quốc: Từ Lục Lưu, đến Hứa Thân, Trịnh Tiểu... đều khẳng định: Việt Nam xưa đã có chữ viết riêng.

Gần đây nhóm nghiên cứu Chữ Việt cổ và giáo dục thời Hùng Vương, do nhà văn Khánh Hoài-Đỗ Văn Xuyên đã có những khám phá rất quan trọng. Một trong những kết quả nghiên cứu của nhóm là phát hiện ra một bộ chữ Việt cổ được lưu giữ ở vùng Tây Bắc Việt Nam. Các nhà khoa học cho rằng văn tự này có thể là một biến thể của chữ “Khoa đầu” hay “Hoả tự” ghi trong cổ sử. Thứ chữ đã tồn tại trong nền văn hoá tiền Việt-Mường. Do không được sử dụng phổ biến, bộ chữ này bị đóng băng, không phát triển theo kịp những biến âm trong tiếng nói người Việt hiện đại.

(Trần Văn Hạc – Chữ Việt cổ)

## Ca dao tình tự (3)

Nói đến ngoại tình

*Năm quan tiền tốt bó mo*

*Làm tờ ký chỉ, chị cho mượn chồng*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

### Tượng ông Phỗng

Trước hương án có để hai cái tượng bằng đá, chân quỳ mà hai tay cầm hương. Cái tượng ấy người ta thường gọi là “Phỗng” là tượng người Xiêm Thành của vua Thánh Tôn chế ra khi đi đánh Xiêm Thành về, để ngụ ý là nước Xiêm Thành đã thần phục rồi. Thế là cái tượng “Phỗng” chế ra từ đời ấy, về sau dân gian mới bắt chước mà tạc ra tượng gỗ như vậy để ở các nơi danh từ như ở Nghệ thì đền Võ Mục, đền Đại Càn, đền Mai Hắc Đế v.v.

Còn cái tượng ấy sở dĩ gọi là “Phỗng” thì có người nói rằng: Khi xưa nước Xiêm Thành có ông vua tên là Bồng thường sang quấy nhiễu ở nước Nam. Vua nước Nam thân chinh bắt được đưa về rồi sai tạc tượng ông ấy ra để dâng hương ở các đình đền, bởi vậy người ta gọi là tượng ông “Bồng”, về sau nói trại đi thành ra “Phỗng”. Lời nói ấy tuy cũng có lẽ, nhưng xét trong sử thì vua nước Xiêm Thành không có ông nào tên là Bồng cả (...)

Theo thiển kiến chúng tôi thì có lẽ là bởi cứ sau này: Nguyên cái tượng ấy thì trong nham cảo viết là “Bồng hương tượng”. Vì chữ là Bồng hương tượng cho nên người ta gọi là tượng bồng hương (tượng dâng hương), đến sau dần dần mãi nói sai đi, mới hóa thân là ...“tượng Phỗng”.

(Nguyễn Đức Tánh - Các nơi cổ tích đất Nghệ Tĩnh)

### Đã tới ngày tàn của sách I

Điện tử là một thứ vô tâm. Nó giết báo chí, giết tạp chí văn học, giết sách vở. Văn học vẫn còn đó, không mất mát gì cả.

Có điều nó nuốt trong cái dạ dày vô tri của nó. Nó giấu trong cái màn hình phẳng lì, trông đến lì lợm! Ghét, nhưng bây giờ là thời đại của nó, trước sau gì cũng phải chấp nhận.

(Nguyễn Hưng Quốc – Chuyện sách)

### 54 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Lần đầu tiên tôi biết Trần Dần là trong một trại hè của các đoàn văn công quân đội năm (19...) Dáng người thấp, hơi thô, tay chân chắc nịch, lúc nói chuyện thường ồn ào, giọng cười thẳng thắn, ròn rã. Đôi mắt xéch với cặp mày rậm làm cho khuôn mặt anh dữ tợn, nhưng đến khi anh há mồm ra cười thì trông lại như một đứa trẻ con. Tôi biết tiếng anh từ lâu - Ở bộ đội Sơn La, từ đầu năm 1947, nổi tiếng có một anh Trần Dần nào đó thường vẽ và làm thơ có nhiều cái rất lạ, anh em văn nghệ xung quanh thì rất thích nhưng đồn rằng bộ đội thì không hiểu và một số cán bộ chính trị ở đơn vị thì lấy làm bực mình.

Dần dần anh chị em gọi Trần Dần là “thầy tướng” và lắm khi tin anh như một người đau khổ ngày trước tin số mệnh, đã đặt cho anh một cái tên “Trần Dần cốc tử”. Hồi ấy Trần Dần yêu một nữ diễn viên văn công. Vốn tính cương trực, lỗ mãng, anh không biết cách nào khéo léo để lấy lòng yêu của người đàn bà. Anh không biết nói đẹp, nói hay, chỉ non thề bẻ, xem lá rụng, hoa tàn để vừa ý một cô gái rất đỏng đảnh. Gặp cô, anh “tấn công” luôn, rất thô kệch. Cô ấy sợ, và chạy trốn. Anh đuổi không kịp. Rồi anh thất vọng to, và cũng biết khóc. Một lần bắt chợt anh ôm đầu khóc, tôi kéo mấy anh bạn vào xem: “Vào đây xem voi chảy nước mắt các cậu ơi!” Mãi về sau hình ảnh cô gái đó đột hiện lên, tươi roi rói, đẹp và anh đứng trong những trang đầy nhiệt huyết của cuốn truyện *Người người lớp lớp*.

(Con người Trần Dần – Hoàng Cầm)

## Đặt lễ quê thói với phong tục cổ truyền

### Yết cáo tổ tiên vào sổ họ

Chuyện này đã có lệ từ xưa, chẳng có gì mới mẻ. "Họ nào đã có nề nếp sẵn thì cứ theo lệ cũ tiến hành".

Yết cáo tổ tiên: Theo lệ cũ chỉ sau khi đối chiếu gia phả, kiêng kị các trường hợp phạm húy (đặt tên trùng với tên húy của tổ tiên và thân nhân gần gũi nhất, kể cả nội ngoại) mới chính thức đặt tên húy cho trẻ sơ sinh, yết cáo tổ tiên và xin vào sổ họ. Ngày nay phải làm thủ tục khai sinh kịp thời, trường hợp ở xa quê, không kịp về đối chiếu gia phả, nhớ trùng tên húy tổ tiên trực hệ, thì tìm cách đổi, hoặc tránh gọi thường xuyên trong nhà. Lễ yết cáo tổ tiên đơn giản, nén hương, coi trầu, chén rượu cũng xong, thường kết hợp lễ tế tổ hàng năm mà yết cáo chung tất cả con cháu trong họ sinh trong năm cùng một lượt. Lễ vào sổ họ cũng đơn giản, cốt sao cho gia đình nghèo nhất trong họ cũng không gặp phải điều gì phiền phức.

Vào sổ họ: Thứ tự sổ họ ghi theo năm sinh, ai sinh trước ghi trước, sinh sau ghi sau. Trường hợp nhiều năm bị phé khoáng nay mới lập lại sổ họ, thì phải thống kê theo đơn vị hộ gia đình hoàn chỉnh cả họ, sau đó mới lập sổ tiếp đối với những trẻ sơ sinh. Mẫu sổ: Họ Tên (Tên Húy. Tên thường gọi) con ông bà, thuộc đời thứ mấy, chi thứ mấy? Con trưởng hay con thứ mấy? Ngày tháng, năm, sinh, ngày vào sổ họ.

Con gái vào sổ họ: Bất cứ trai hay gái, sau khi sinh đều có yết cáo tổ tiên, đã được tổ tiên phù trì phù hộ, nhưng nhiều họ ngày xưa không vào sổ họ đối với con gái, cho rằng "Nữ nhân ngoại tộc", con gái là con người ta, lớn lên đi làm dâu lo cơ nghiệp nhà chồng vì thế không công nhận con gái vào họ.

### Lần khân

Lần khân : suồng sã, nhờn  
(nó lần khân khó nói lắm)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đình Văn Thiện)

### Rượu ta

Rượu ta, rượu trắng, rượu đế, rượu ngang, rượu gạo, rượu chưng, rượu cuốc lủi hay rượu quốc lủi đều là cách gọi của loại rượu chưng cất từ ngũ cốc lên men. Nấu bằng nếp, có nồng độ cao. Nếp và men (làm bằng hạt kê) ủ một tuần. Bỏ vào nồi đun để hơi bốc qua cái chọt gỗ chảy ra ngoài thành rượu.

Rượu đế còn gọi là... "Nước mắt quê hương".

(Nguồn: Mường Giang)

### Chữ nghĩa làng văn

Tri túc tiện túc, đãi túc hà thời túc  
Tri nhàn tiện nhàn, đãi nhàn hà thời nhàn

Trước Nguyễn Công Trứ đã có câu của Nguyễn Trãi:  
Biết đủ dù không gì cũng đủ  
Nên lui nếu có dịp thì lui

### 55 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Bỗng có một người đàn bà đến rất nhanh chóng trong đời sống của Trần Dần. Một chị ngoài 20 tuổi, đi đạo, ở Hà Nội mới giải phóng. Trần Dần gặp người đó và hai người yêu nhau. Lúc

mới yêu người ta dễ say. Trần Dần lại là người chưa từng được yêu bao giờ, dù anh đã gần 30 tuổi. Cái tật xấu nhất của Trần Dần là bữa bãi trong sinh hoạt: quần áo, sách vở, vứt lung tung, bạ đâu ngủ đấy. Trong sự giao thiệp với người đàn bà này, anh cũng rất bữa bãi. Mới quen lần đầu đã nghiêm nhiên vác ba lô đến ở chơi nhà người ta vài ngày, rồi cười đùa âm ỹ. Anh đã sẵn số đòi tình yêu. Người thiếu nữ có lẽ vì sợ đôi mắt xếch đã đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, và đến lúc nhượng bộ cuối cùng: chị đã trao cả cuộc đời mình cho anh. Nhân lúc đang ốm yếu, được phép nghỉ, anh đã đến nhà người yêu ở hàng nửa tháng liền. Và anh đề nghị cấp trên cho anh được cưới.

Anh đề nghị đơn vị đi sát giúp đỡ anh. Lý lịch người thiếu nữ, theo anh, không có gì là mờ ám. Một công dân còn trẻ, chưa hiểu việc đời nhiều lắm, trình độ chính trị rất thấp. Có người nghiêm nét mặt, đề cao cảnh giác: Cẩn thận! Kéo sa lưới địch! Nó đang âm mưu tấn công vào hàng ngũ ta. Người ta dèm pha những “nhận định” cao siêu, những “lập trường” “quan điểm” giai cấp tính, tư tưởng tính, “tư sản” và “vô sản” v.v... rút những câu chính trị để quy kết cho một mối tình.

Trần Dần đã gục mặt vào tay đau đớn. Tôi đã gặp anh ngồi lặng hàng giờ trong một căn phòng quần áo bàn ghế bữa bãi ở nhà người thiếu nữ đó. Giữa anh và chị, có một niềm tủi cực, cay đắng, xót xa. Chị đã thôi không trang điểm, xếp áo màu vào tủ, có cái thì đem cất ngăn, nhuộm nâu. Đã tan đi từ lâu lắm tiếng cười ròn rã. Trong giọng nói đã thấy ngấn nước mắt. Trần Dần hết sức giải thích cho người yêu và hướng người yêu vào con đường “làm lấy mà sống” “đừng nhờ vả ai”. Hình ảnh người con gái đi tìm việc làm trong mưa, về sau tôi lại gặp rất đau xót, trong bài thơ “Nhất định thắng” in trong tập *Giai phẩm mùa Xuân 1956*.

Mối tình đó kéo lê những ngày lo sợ, buồn phiền. Trần Dần không ngờ yêu lại khổ đến thế này. Cùng một thời gian đó, bản “Đề nghị Chính sách Văn nghệ” thảo luận chưa xong. Giời sang hè, mùa mưa tầm tã. Trần Dần và người yêu vẫn sống trong một góc nhà tối thiếu ánh sáng. Bữa cơm không vui. Bụi phở Sinh Từ rắc vào nhà như sương, bụi phủ trắng mặt bàn ghế. Ăn vội vàng, Trần Dần lại về đơn vị để rồi lại được nghe những lời phê phán, những tiếng xì xào. Và người thiếu nữ lại chân đất, áo ngắn, đi tìm việc làm, có hôm từ sáng đến tối mới về:

*Em đi trong mưa... cú đầu... nghiêng vai*

(Con người Trần Dần – Hoàng Cầm)

### **Tiếng Việt mình... khó quá!?**

Đã sắp sửa vào hè. Ở các lớp mẫu giáo lớn, phụ huynh học sinh đã thăm hỏi, mách cho nhau nơi dạy thêm cho các cháu chuẩn bị vào lớp 1. Xin để chuyện này cho Thanh tra ngành giáo dục xem thêm, đó là chuyện đọc và viết chữ Việt mình.

Trước hết là chuyện đọc. Khi bắt đầu học chữ cái (theo chương trình lớp 1) các cháu được cô hướng dẫn đánh vần a, b, c, d : Đọc là “a, bờ, cờ, dờ...” theo lối đánh vần của bình dân học vụ ngày xưa (i, tờ, tờ i ti).

Thế nhưng sang đến lớp 2, lại đọc khác đi. Làm quen với một hình chữ nhật, các cháu phải đọc là “4 góc a, bê, xê, dê” chứ không thể đọc là “hình chữ nhật a, bờ, cờ, dờ” nữa!

Tại sao vậy? Hỏi cô, cô trả lời “Trên hướng dẫn như thế!”. Tôi không dám lạm bàn cách đánh vần nào tốt hơn, nhưng ác một nỗi, có cháu chưa quen “a, bê, xê, dê”, nên khi cầm tờ báo để “khoe” với ông bà, cha mẹ, cháu vẫn đọc theo kiểu “Thông tư của bộ Lờ đờ Tờ bờ Xờ hờ” (Bộ LĐ-TB-XH). Không ai dám sửa cho cháu bé vì “cô bảo thế”, đến ông bà, cha mẹ cũng chịu thua luôn!

(Nguyễn Lê Bách - Nguồn ĐatViet.com)



## Ca dao tình tự (4)

Nói đến ngoại tình

*Chồng người chẳng mượn được lâu  
Mượn tối hôm trước, hôm sau người đòi*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

## Chữ quốc ngữ (2)

Câu thơ của Hoàng Xuân Hãn trong hội *Truyền Bá quốc ngữ* dạy cách đán vần “i tờ” là quốc ngữ của Việt Nam ngày nay:

I tờ có móc cả hai  
I ngắn có chấm, tờ dài có ngang  
O tròn như quả trứng gà  
Ô thì đội mũ, ơ thì thêm râu  
Huyền ngang, sắc dọc, nặng tròn  
Hỏi lom khom đứng  
Ngã buồn nằm ngang

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## Chữ nghĩa làng...nhậu

Lật đặt thì đất cũng đề,  
Những người thông thả, rượu chè quanh năm

### Thần Bạch mi

Cụ Nguyễn Du trong *Đoạn trường tân thanh* có câu:

*Giữa thì hương án hẳn hoi  
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày  
Lầu xanh quen thói xưa nay  
Nghề này thì lấy ông này tiên sư*

Ở lầu xanh ngày xưa, các tú bà thường dựng một bàn hương án treo một tượng thờ thần Bạch mi mặt to, râu dài, cưỡi ngựa cầm đao na ná như Quan Công, nhưng lông mày trắng và mắt đỏ. Tương truyền cô nào ế khách, để đốt vía: Cô trút bỏ quần áo, đốt hương van vái cầu xin thần bạch mi. Lấy hoa mới đổi lấy hoa đã cúng trên bàn thờ rồi trải xuống dưới giường nằm lấy hên. Đó là ông tổ sư của nghề lầu xanh.

Và đó cũng là ông Quán Trọng, tể tướng nước Tề. Vì quan Đại Tư Đồ thực tiễn cho là có cấm nghề bán tròn nuôi miệng cũng vậy thôi, nhà chứa vẫn tiếp tục hành nghề lên nên chi bằng cho công khai. Vì Quán Trọng có cặp lông mày trắng từ hồi trai trẻ...

Nên được chị em ta gọi là *thần Bạch mi*.

(Nguyễn Tử Quang – Diễn hay tích lạ)

## Bè hành bè tội

Thành ngữ ám chỉ người hay bắt bè, nói “dai như giẻ rách”.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

## Truyện hậu hiện đại (4)

Có thể nói nghệ thuật “*tự sự*” Việt Nam nằm ở chữ *chuyện*. Chuyện trở thành yếu tính của truyện, là tinh thể của truyện. Đến độ phần lớn người Việt Nam rất khó hình dung, đừng nói gì là chấp nhận, hiện tượng *truyện mà không có chuyện*. Theo cách nhìn ấy, đọc truyện thực chất là theo dõi một câu chuyện, theo dõi những mối quan hệ phức tạp giữa các nhân vật với nhau. Với mục đích như thế, người ta sẵn sàng hài lòng nếu có thể nắm bắt được cốt truyện qua lời tóm tắt của ai đó để khỏi phải mất thì giờ đọc cả cuốn truyện.

Xem chuyện là yếu tính của truyện, với phần lớn giới cầm bút Việt Nam, ám ảnh lớn nhất thường là câu chuyện. Người ta ngỡ như có được một câu chuyện hay thì sẽ có ngay được một truyện dài hay truyện ngắn hay. Xem chuyện là yếu tính của truyện, nhiệm vụ của người viết văn chỉ tập trung vào hai điều chính: *thể hiện* (expression) và *tái hiện* (representation).

*Thể hiện* là nhấn mạnh vào khía cạnh tâm lý, nhằm vạch trần những cái tôi thâm kín của nhân vật. *Tái hiện* là nhấn mạnh vào khía cạnh xã hội, nhằm khắc hoạ tính cách và mối quan hệ giữa các tính cách nhân vật. Cứ thế, các câu chuyện cứ đong đưa giữa hai cực: thể hiện hoặc tái hiện. Theo đó, văn học Việt Nam cứ đong đưa giữa hai xu hướng: *lãng mạn* và *hiện thực*.

Loay hoay giữa hai hướng như thế, văn học Việt Nam không những nghèo nàn mà còn lâm vào những nghịch lý rất dễ đi vào ngõ cụt: Ý nghĩa của tác phẩm đã hiện hữu trước khi câu chuyện thực sự ra đời. Ấy chính là *cái tôi*, những cái ở ngoài câu chuyện, và đồng thời cũng là những cái mà truyện có nhiệm vụ thể hiện hoặc tái hiện. Với cách nhìn như thế, văn học không thể thoát khỏi số phận minh hoạ, cứ lẻo đẻo đi sau hiện thực và không bao giờ phản ánh được trọn vẹn hiện thực.

(phỏng theo Nguyễn Hưng Quốc – Truyện: Một số vấn đề mỹ học)

### Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Theo các nhà ngữ học thì tiếng Việt là thứ tiếng đứng thứ 12 trên thế giới về số đông người nói là 83 triệu. Tiếng Việt vay mượn rất nhiều từ ngữ 58 thứ tiếng lớn nhỏ ở nam Á châu, từ tiếng Thái Lào, Khmer, Miến, Malay, Indonesia cho đến những tiếng nói thiểu số với vài ba trăm ngàn người, tiếng Mường, tiếng Nùng, tiếng Hmong, tiếng Chăm.

Như:

- ta nói *đau đớn* mà ta không hiểu “*đớn*” là gì,  
“*đớn*” là tiếng Mon có nghĩa là đau cái đau của lòng mình.

(Nguyễn Hy Vọng - sưu tầm & tản mạn)

### Bó mo thì thiếu, bó chiếu thì vừa

Câu thành ngữ với trong nghệ thuật dụng nhân, người có tài được giao việc lớn, ngược lại người kém tài chỉ nên giao việc nhỏ.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Theo các nhà ngữ học thì tiếng Việt là thứ tiếng đứng thứ 12 trên thế giới về số đông người nói là 83 triệu. Tiếng Việt vay mượn rất nhiều từ ngữ 58 thứ tiếng lớn nhỏ ở nam Á châu, từ tiếng Thái Lào, Khmer, Miến, Malay, Indonesia cho đến những tiếng nói thiểu số với vài ba trăm ngàn người, tiếng Mường, tiếng Nùng, tiếng Hmong, tiếng Chăm.

Như:

- ta nói *rộn rịp* mà không hiểu “*rịp*” là gì,  
“*rịp*” là bận việc, gốc tiếng Lào Thái.

(Nguyễn Hy Vọng - sưu tầm & tản mạn)